

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



**ISO 9001:2015**

**NGUYỄN TUẤN VIỆT**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Hải Phòng - 2018**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NGUYỄN TUẤN VIỆT**

**MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG  
VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**MÃ SỐ: 60 34 01 02**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**TS. ĐINH HỮU QUÝ**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi là Nguyễn Tuấn Việt học viên cao học khoá 1, Khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng. Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực, các số liệu trong luận văn có nguồn gốc rõ ràng.

Hải Phòng, ngày ... tháng....năm 2018

TÁC GIẢ

**Nguyễn Tuấn Việt**

## LỜI CẢM ƠN

Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh với đề tài “Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng” là kết quả của quá trình cố gắng không ngừng của bản thân và được sự giúp đỡ, động viên khích lệ của các thầy cô, bạn bè đồng nghiệp và người thân. Qua trang viết này tác giả xin gửi lời cảm ơn tới những người đã giúp đỡ tôi trong thời gian học tập - nghiên cứu khoa học vừa qua.

Tôi xin tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc của mình đối với thầy giáo TS. Đinh Hữu Quý đã trực tiếp tận tình hướng dẫn cũng như cung cấp tài liệu thông tin khoa học cần thiết cho luận văn này.

Xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Khoa Quản trị kinh doanh đã tạo điều kiện cho tôi hoàn thành tốt luận văn của mình.

TÁC GIẢ

**Nguyễn Tuấn Việt**

## MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	vi
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN VỀ VỐN VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TRONG DOANH NGHIỆP ....	4
1.1. LÝ LUẬN VỀ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP .....	4
1.1.1. Khái niệm và vai trò của vốn kinh doanh.....	4
1.1.1.1. Khái niệm.....	4
1.1.1.2. Vai trò của vốn kinh doanh .....	5
1.1.2. Đặc điểm của vốn kinh doanh .....	5
1.1.3. Phân loại vốn.....	6
1.1.3.1. Phân loại theo nguồn hình thành .....	6
1.1.3.1. Phân loại theo đặc điểm chu chuyển vốn.....	8
1.1.4. Quản lý vốn trong doanh nghiệp .....	12
1.1.4.1. Quản lý vốn lưu động.....	12
1.1.4.2. Quản lý vốn cố định .....	14
1.2. LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TRONG DOANH NGHIỆP.....	16
1.2.1. Khái niệm hiệu quả sử dụng vốn.....	16
1.2.2. Sự cần thiết của việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp.....	17
1.2.3. Phương pháp phân tích hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp.....	18
1.2.3.1. Phương pháp so sánh.....	18
1.2.3.2. Phương pháp cân đối .....	19
1.2.3.3. Phương pháp phân tích chi tiết .....	19
1.2.3.4. Phương pháp thay thế liên hoàn .....	20
1.2.4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh .....	20
1.2.4.1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động.....	20
1.2.4.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định .....	23
1.2.4.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tổng vốn.....	23
1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH.....	24
1.3.1. Nhân tố khách quan.....	25
1.3.2. Nhân tố chủ quan .....	26
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG .....</b>	<b>29</b>
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG.....	29
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	29
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ.....	31
2.1.3. Cơ cấu tổ chức của công ty .....	31
2.1.4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	36

2.2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG.....	41
2.2.1. Nguồn vốn của công ty.....	41
2.2.2. Tình hình quản lý và sử dụng vốn của Công ty.....	49
2.2.2.1 Quản lý và sử dụng vốn lưu động.....	49
2.2.2.2 Quản lý và sử dụng vốn cố định.....	51
2.2.3. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn của công ty.....	52
2.2.3.1. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động.....	52
2.2.3.2. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn cố định.....	62
2.2.3.3. Phân tích hiệu quả sử dụng tổng vốn.....	67
2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng. ....	70
2.3. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG	72
2.3.1. Những kết quả đạt được.....	72
2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân.....	75
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG.....</b>	<b>77</b>
3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY.....	77
3.1.1. Định hướng phát triển của Công ty.....	77
3.1.2. Mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2018.....	78
3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG.....	79
3.2.1. Hoàn thiện công tác lập kế hoạch vốn kinh doanh.....	80
Cơ sở biện pháp:.....	80
3.2.2. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn lưu động.....	81
3.2.3. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn cố định.....	83
3.2.4. Các biện pháp khác.....	84
3.2.4.1 Tổ chức tốt nguồn nhân lực.....	84
3.2.4. 3 Tiết kiệm chi phí.....	85
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>86</b>

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ**

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng .....	32
Sơ đồ 2.2. Quy trình sản xuất sản phẩm.....	36
Biểu đồ 2.1: Doanh thu của Công ty giai đoạn 2013-2017 .....	39
Biểu đồ 2.2: Giá vốn của Công ty giai đoạn 2013-2017 .....	39
Biểu đồ 2.3: Lợi nhuận của Công ty giai đoạn 2013-2017.....	39

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 2.1. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Điện cơ HP giai đoạn từ 2013-2017.....	38
Bảng 2.2: Bảng phân tích cơ cấu tài sản giai đoạn 2013-2017.....	43
Bảng 2.2: Bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2013-2017.....	46
Bảng 2.3: Cơ cấu vốn đầu tư vào tài sản lưu động.....	49
Bảng 2.4: Cơ cấu vốn đầu tư vào tài sản dài hạn .....	51
Bảng 2.5: Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng .	53
Bảng 2.6: Thực trạng tiền và các khoản tương đương tiền của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng .....	55
Bảng 2.7: Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng .....	55
Bảng 2.8: Thực trạng các khoản phải thu của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng ...	58
Bảng 2.9: Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đối với các khoản phải thu tại công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng.....	60
Bảng 2.10: Thực trạng hàng tồn kho và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đối với hàng tồn kho của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng .....	61
Bảng 2.11: Thực trạng tài sản cố định của Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng.....	62
Bảng 2.12: Hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng.	64
Bảng 2.13: Hiệu quả sử dụng tổng vốn của Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng.....	67

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TSCĐ	Tài sản cố định
VLD	Vốn lưu động
VCĐ	Vốn cố định
VKD	Vốn kinh doanh
VCSH	Vốn chủ sở hữu



## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài**

Vốn kinh doanh là điều kiện tiên quyết và quan trọng nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hiện nay, việc sử dụng vốn kinh doanh một cách hiệu quả góp phần giúp doanh nghiệp đứng vững và gặt hái thành công.

Tuy nhiên, trên thực tế việc quản lý, sử dụng vốn kinh doanh còn nhiều bất cập, hạn chế như việc lựa chọn cơ cấu vốn chưa hợp lý, sử dụng vốn còn lãng phí, chưa hiệu quả. Do đó, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là vấn đề then chốt đối với mỗi doanh nghiệp.

Hiệu quả sử dụng vốn của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng trong những năm gần đây đang có sự giảm sút làm giảm hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của công ty. Xuất phát từ thực tế đó, tác giả đã lựa chọn đề tài “Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng” làm đề tài luận văn tốt nghiệp cao học của mình.

### **2. Mục đích, phạm vi đề tài luận văn**

#### **2.1. Mục tiêu nghiên cứu**

- Nghiên cứu lý luận về vốn và hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.
- Phân tích thực trạng sử dụng vốn tại công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn tại đơn vị.
- Đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng.

#### **2.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Đề tài nghiên cứu tại Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng trong 5 năm từ 2013 đến 2017.

### **3. Đối tượng nghiên cứu**

Tình hình sử dụng vốn và hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sử dụng các phương pháp bao gồm phương pháp phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh làm phương pháp luận căn bản cho việc nghiên cứu.

Phương pháp phân tích tổng hợp được sử dụng để phân tích các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn lưu động, hiệu quả sử dụng vốn cố định và hiệu quả sử dụng tổng vốn.

Phương pháp so sánh được sử dụng để xem xét xu hướng biến động các chỉ tiêu từ năm 2013 đến năm 2017.

#### **5. Tổng quan nghiên cứu**

Hiện nay, đã có nhiều đề tài nghiên cứu về hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh như các công trình sau đây:

- Tác giả Bùi Văn Nam (2011) với đề tài luận văn “Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty xi măng Cẩm Phả Quảng Ninh”. Luận văn đã phân tích sâu vào cách quản lý và sử dụng vốn kinh doanh trong ngành sản xuất xi măng nói chung và công ty xi măng Cẩm Phả nói riêng.

- Tác giả Phạm Minh Chí (2013) với đề tài luận văn “Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần sông Đà 9”. Luận văn đã đưa ra cơ sở lý luận, phân tích thực trạng sử dụng vốn kinh doanh từ đó đưa ra các kiến nghị để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty.

- Tác giả Dương Quỳnh Anh (2014) với luận văn “Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty xây dựng cầu Hàm”. Luận văn đã hệ thống hóa lý luận về hiệu quả sử dụng vốn, thực tế hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty xây dựng cầu Hàm đồng thời đưa ra giải pháp, kiến nghị với công ty nói riêng và ngành xây dựng cầu đường nói chung.

- Tác giả Đỗ Lê Anh (2016) với luận văn “Phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần sông Đà 2”. Thông qua việc phân tích đánh giá thực trạng, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn từ đó

góp phần tăng năng lực, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần sông Đà.

- Nguyễn Thị Hương (2016), luận văn “Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại tổng công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam”, tác giả đã tìm ra những hạn chế còn tồn tại trong công tác sử dụng vốn và giải pháp để khắc phục.

## **6. Bố cục của luận văn**

Bố cục của luận văn ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận về vốn và hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty Cổ phần điện cơ Hải Phòng

Chương 3: Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty Cổ phần điện cơ Hải Phòng

# **CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN VỀ VỐN VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TRONG DOANH NGHIỆP**

## **1.1. LÝ LUẬN VỀ VỐN TRONG DOANH NGHIỆP**

### **1.1.1. Khái niệm và vai trò của vốn kinh doanh**

#### *1.1.1.1. Khái niệm*

Vốn kinh doanh chính là tiền đề, yếu tố cơ bản không thể thiếu của quá trình sản xuất. Vốn được sử dụng trong việc mua sắm các yếu tố đầu vào của sản xuất bao gồm sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động. Bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải có một lượng vốn nhất định. Vốn biểu hiện cho hình thái giá trị của tài sản trong doanh nghiệp.

Theo C. Mác thì “Vốn là giá trị mang lại giá trị thặng dư, là một yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất”. Quan điểm của Mác cho rằng vốn là tư bản có ý nghĩa thực tiễn và tính khái quát cao.

P.A Samuelson nhận định “Vốn là hàng hóa được sản xuất ra để phục vụ cho quá trình sản xuất mới, là đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp”.

Vốn vận động thường xuyên và tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau trong các khâu của hoạt động sản xuất. Vốn có thể tồn tại dưới dạng tiền, máy móc thiết bị, nhà xưởng, nguyên vật liệu, thành phẩm...nhưng khi kết thúc một vòng luân chuyển thì vốn lại trở về hình thái tiền tệ. Số vốn ban đầu không chỉ được bảo tồn mà còn được tăng lên do hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra lợi nhuận.

Như vậy, “Vốn kinh doanh của doanh nghiệp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ tài sản được sử dụng đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích sinh lời” [12, tr.57].

#### *1.1.1.2. Vai trò của vốn kinh doanh*

Vốn là điều kiện cần thiết cho sự ra đời của doanh nghiệp quyết định việc thành lập, hoạt động và phát triển của từng loại hình doanh nghiệp. Dựa vào nguồn vốn, phương thức huy động vốn hình thành nên những loại hình doanh nghiệp khác nhau. Vốn cũng chính là tiêu thức để phân loại doanh nghiệp theo quy mô lớn, vừa hay nhỏ.

Vốn giữ vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải tiến hành kết hợp tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải có một lượng vốn nhất định dùng để mua các yếu tố đầu vào. Nếu không có vốn kinh doanh thì doanh nghiệp không thể hoạt động, không thể tồn tại trên thị trường nên vai trò của vốn còn là tiền đề cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Vốn góp phần cải thiện, thay đổi cơ sở vật chất kỹ thuật của doanh nghiệp. Vốn là cơ sở giúp doanh nghiệp hoạch định các chiến lược kinh doanh, yếu tố quan trọng trong việc sử dụng hiệu quả và mở rộng các nguồn lực, phát triển thị trường từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Vốn là yếu tố quyết định tương lai của doanh nghiệp. Việc quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn có ý nghĩa quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp.

#### **1.1.2. Đặc điểm của vốn kinh doanh**

- Vốn được biểu hiện bằng một lượng giá trị thực của tài sản dùng để sản xuất kinh doanh. Vốn không chỉ là biểu hiện bằng tiền của các tài sản hữu hình mà còn là biểu hiện bằng tiền của các tài sản vô hình.

- Vốn biểu hiện dưới hình thái tiền tệ. Tuy nhiên, tiền chỉ được gọi là vốn khi tiền vận động vì mục đích sinh lời.

- Vốn được tích tụ và tập trung đạt đến một lượng nhất định mới có thể sử dụng đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, các doanh nghiệp phải tìm cách huy động thêm vốn.

- Vốn có giá trị về mặt thời gian phụ thuộc vào sức mua của đồng tiền tại các thời điểm khác nhau.

- Vốn là một loại hàng hóa đặc biệt tách rời giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng. Vốn phải được quản lý một cách chặt chẽ, phải gắn với chủ sở hữu vì việc sử dụng vốn liên quan trực tiếp đến lợi ích của doanh nghiệp.

### **1.1.3. Phân loại vốn**

#### **1.1.3.1. Phân loại theo nguồn hình thành**

Căn cứ vào nguồn hình thành, vốn của doanh nghiệp bao gồm:

#### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu thuộc sở hữu của doanh nghiệp nên doanh nghiệp có đầy đủ quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được hình thành từ vốn góp của chủ sở hữu, nhà đầu tư, vốn bổ sung từ kết quả kinh doanh, phần vốn bổ sung từ quá trình hoạt động, vốn từ phát hành cổ phiếu mới.

#### ***Vốn góp ban đầu***

Khi doanh nghiệp được thành lập bao giờ chủ doanh nghiệp cũng phải có một số vốn ban đầu nhất định do các chủ sở hữu đóng góp. Khi nói đến nguồn

vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp bao giờ cũng phải xem xét hình thức sở hữu của doanh nghiệp đó, vì hình thức sở hữu sẽ quyết định tính chất và hình thức tạo vốn của doanh nghiệp [10, tr.51].

### ***Lợi nhuận không chia***

Quy mô số vốn đầu tư ban đầu của doanh nghiệp là một yếu tố quan trọng, tuy nhiên số vốn này cần được tăng theo quy mô phát triển của doanh nghiệp. Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nếu doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả thì doanh nghiệp sẽ có những điều kiện thuận lợi để tăng trưởng nguồn vốn. Nguồn vốn tích lũy từ lợi nhuận không chia là bộ phận lợi nhuận được sử dụng tái đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp [10, tr.63].

Tự tài trợ bằng lợi nhuận không chia là một phương thức tạo nguồn tài chính quan trọng và khá hấp dẫn của các doanh nghiệp vì doanh nghiệp giảm được chi phí, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài. Các doanh nghiệp rất coi trọng chính sách tái đầu tư từ lợi nhuận để lại với mục tiêu phải có một khối lượng lợi nhuận để lại đủ lớn nhằm tự đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng tăng [10, tr.64].

### **Phát hành cổ phiếu**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có thể tăng vốn chủ sở hữu bằng cách phát hành cổ phiếu mới.

Phát hành cổ phiếu để huy động vốn cho doanh nghiệp là một nguồn tài chính dài hạn rất quan trọng, là hoạt động tài trợ dài hạn của doanh nghiệp [10, tr.65].

Ngoài ra, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp có thể được bổ sung từ phần chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định, chênh lệch tỷ giá.

### **Vốn vay**

Để bổ sung vốn cho quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có thể sử dụng vốn vay. Phần vốn này được hình thành từ việc đi vay, đi chiếm dụng vốn của đơn vị, tổ chức, cá nhân để đáp ứng cho nguồn vốn bị thiếu hụt. Đối với vốn vay, doanh nghiệp được quyền sử dụng nhưng sau một khoảng thời gian nhất định, doanh nghiệp phải thực hiện hoàn trả cả gốc và lãi cho người cho vay. Vốn vay bao gồm vốn vay ngắn hạn và vốn vay dài hạn.

### **1.1.3.1. Phân loại theo đặc điểm chu chuyển vốn**

Theo đặc điểm chu chuyển vốn, vốn kinh doanh bao gồm vốn cố định và vốn lưu động.

#### ***Vốn cố định***

Vốn cố định là phần vốn đầu tư ứng trước để hình thành nên tài sản cố định của doanh nghiệp. Đặc điểm của vốn cố định là giá trị chuyển dịch từng phần trong các chu kỳ sản xuất kinh doanh.

Tài sản sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh được gọi là tài sản cố định khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định một cách đáng tin cậy
- Thời gian sử dụng của tài sản trên một năm
- Giá trị của tài sản từ 30 triệu đồng trở lên [3].

Quy mô của vốn cố định nhiều hay ít có tác động quyết định đến quy mô của tài sản cố định đến trình độ trang bị vật chất, kỹ thuật, năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mặt khác, đặc điểm của tài sản cố định chi phối đặc điểm chu chuyển vốn cố định. Căn cứ vào mối liên hệ này, sự vận động của vốn cố định trong quá trình sản xuất kinh doanh được khái quát như sau:



- Vốn cố định tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh mà vẫn giữ nguyên được hình thái hiện vật ban đầu. Đặc điểm này được tạo nên là vì tài sản cố định tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp phát huy tác dụng trong nhiều chu kỳ sản xuất. Vốn cố định là biểu hiện bằng tiền của tài sản cố định do đó cũng tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất.

- Vốn cố định luân chuyển từng phần vào chu kỳ sản xuất. Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, tài sản cố định không bị thay đổi về hình thái hiện vật nhưng tính năng và công suất bị giảm dần, bị hao mòn cùng với sự giảm dần về giá trị sử dụng, giá trị bị giảm đi. Vốn cố định gồm có hai bộ phận:

+ Bộ phận thứ nhất ứng với phần hao mòn của tài sản cố định, cấu thành nên chi phí sản xuất sản phẩm dưới dạng chi phí khấu hao và tích lũy lại thành quỹ khấu hao. Quỹ này sau đó được sử dụng để tái đầu tư tài sản cố định với mục đích duy trì năng lực sản xuất của doanh nghiệp.

+ Bộ phận thứ hai ứng với phần giá trị còn lại của vốn cố định đó là giá trị còn lại của tài sản cố định. Phần giá trị này được cố định trong tài sản cố định.

- Sau nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh thì vốn cố định hoàn thành xong một vòng luân chuyển. Phần vốn cố định chuyển vào giá trị sản phẩm tăng dần sau mỗi chu kỳ, ứng với phần vốn đầu tư vào tài sản cố định ban đầu giảm xuống. Khi tài sản cố định hết thời gian sử dụng, lúc này giá trị của tài sản cố định được dịch chuyển hết vào giá trị sản phẩm sản xuất, vốn cố định hoàn thành một vòng luân chuyển.

Đối với tất cả các doanh nghiệp, vốn cố định luôn là bộ phận quan trọng, chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng số vốn đầu tư, vốn sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Quy mô và trình độ quản lý, sử dụng vốn cố định là nhân tố ảnh hưởng mang tính quyết định đến trình độ trang bị kỹ thuật của hoạt động sản xuất kinh doanh. Vai trò then chốt và đặc điểm luân chuyển vốn cố

định mang tính quy luật riêng, do đó việc quản lý và sử dụng vốn cố định tác động trực tiếp đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.

### ***Vốn lưu động***

Vốn lưu động là phần vốn ứng ra để hình thành các tài sản lưu động nhằm đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được diễn ra một cách thường xuyên, liên tục.

Tài sản lưu động chính là những tài sản ngắn hạn, thường xuyên luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong bảng cân đối kế toán, tài sản lưu động thể hiện dưới hình thức tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, chứng khoán thanh khoản cao, phải thu và dự trữ hàng tồn kho. Việc quản lý và sử dụng các tài sản lưu động ảnh hưởng quan trọng đến sự thành bại của doanh nghiệp.

#### **Tiền và các chứng khoán thanh khoản cao**

Tiền bao gồm các loại tiền mặt tại quỹ, tiền trên tài khoản thanh toán của doanh nghiệp tại ngân hàng được sử dụng để thanh toán nguyên vật liệu, trả lương cho công nhân viên... Trong đó, tiền mặt là loại tài sản không sinh lời do đó việc tối thiểu hóa lượng tiền mặt tại doanh nghiệp là cần thiết song doanh nghiệp cũng cần đảm bảo giữ một lượng nhất định để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chứng khoán có tính thanh khoản cao đóng một vai trò quan trọng trong doanh nghiệp. Việc đầu tư vào loại chứng khoán này tạo ra tỷ suất lợi nhuận cao hơn so với việc đem tiền gửi ngân hàng và cũng dễ dàng chuyển sang tiền, tốn kém ít chi phí.

#### **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác trong đó phải thu khách hàng thường chiếm tỷ trọng lớn nhất. Hình thức

mua bán chịu được gọi cách khác là tín dụng thương mại. Hình thức này có thể mang lại cho doanh nghiệp những thành công lớn nhưng cũng tiềm ẩn những rủi ro là khoản phải thu không thu hồi được.

### **Hàng tồn kho**

Việc tồn tại hàng tồn kho là điều cần thiết trong quá trình luân chuyển vốn lưu động của doanh nghiệp. Hàng tồn kho gồm nguyên liệu thô dự trữ cho sản xuất kinh doanh, sản phẩm dở dang và thành phẩm. Hàng tồn kho giữ vai trò quan trọng trong doanh nghiệp nếu dự trữ quá ít sẽ làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh gây ra hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và uy tín của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu dự trữ với lượng quá lớn gây tốn kém, ứ đọng vốn do đó hiệu quả sản xuất kinh doanh giảm xuống.

Để sử dụng hiệu quả tài sản lưu động, doanh nghiệp cần hiểu rõ các đặc điểm của tài sản lưu động:

- Tài sản lưu động luôn thay đổi hình thái biểu hiện trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nên vốn lưu động cũng không ngừng vận động giữa các khâu dự trữ, sản xuất và lưu thông. Quá trình này diễn ra liên tục và mang tính chu kỳ được gọi là quá trình tuần hoàn chu chuyển vốn lưu động.

- Vốn lưu động luân chuyển hết giá trị trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh và thu hồi toàn bộ giá trị khi kết thúc quá trình tiêu thụ sản phẩm và hoàn thành một vòng chu chuyển sau một chu kỳ sản xuất kinh doanh. Qua từng giai đoạn, vốn lưu động lại có sự thay đổi hình thái biểu hiện từ vốn tiền tệ ban đầu sang vốn vật tư hàng hóa dự trữ. Sau đó, vật tư hàng hóa được chế tạo thành các loại bán thành phẩm, thành phẩm khi được tiêu thụ lại quay trở lại hình thái xuất phát là vốn tiền tệ.

Quá trình sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp được diễn ra thường xuyên và liên tục nên trong cùng một lúc vốn lưu động được phân bổ ở khắp

các giai đoạn luân chuyển và dưới nhiều hình thức khác nhau. Để quá trình sản xuất không bị gián đoạn đòi hỏi doanh nghiệp phải có đủ lượng vốn lưu động đầu tư vào nhiều hình thái khác nhau nhằm đảm bảo việc chuyển hóa vốn trong quá trình luân chuyển được thuận lợi.

Trong quá trình quản lý và sử dụng vốn lưu động cần chú ý các vấn đề sau:

- Xác định nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ lượng vốn lưu động cần thiết.

- Tổ chức quản lý khai thác nguồn tài trợ vốn lưu động nhằm đáp ứng đầy đủ, kịp thời vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức sử dụng vốn lưu động hiệu quả, đẩy nhanh tốc độ chu chuyển nhằm rút ngắn chu kỳ sản xuất qua đó tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.

#### **1.1.4. Quản lý vốn trong doanh nghiệp**

##### *1.1.4.1. Quản lý vốn lưu động*

- Quản lý vốn tiền mặt và các loại chứng khoán thanh khoản cao

Quản lý vốn tiền mặt đề cập đến việc quản lý quỹ tiền mặt và quản lý tiền gửi ngân hàng. Sự quản lý này liên quan chặt chẽ đến việc quản lý các tài sản gắn với tiền mặt như các loại chứng khoán có khả năng thanh khoản cao [9, tr.139].

Quản lý vốn tiền mặt và các loại chứng khoán thanh khoản cao nhằm mục tiêu giảm thiểu lượng tiền mặt bằng cách cực đại tính hữu dụng của nó, trong đó chứng khoán có tính thanh khoản cao được sử dụng để giảm thiểu tiền mặt ở mức độ mong muốn.

Quản lý vốn tiền mặt bao gồm việc tăng tốc độ thu hồi tiền, giảm tốc độ chi tiêu tiền, hoạch định nhu cầu về tiền, đầu tư tạm thời những khoản tiền nhàn rỗi hiệu quả.

### - Quản lý hàng tồn kho

Vật tư hàng hóa dự trữ tồn kho là bước đệm cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Hàng tồn kho bao gồm các loại nguyên liệu, vật liệu thô phục vụ cho quá trình sản xuất, sản phẩm dở dang và thành phẩm. Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp không thể sản xuất đến đâu mới mua hàng đến đó mà cần phải có nguyên liệu dự trữ. Nguyên liệu, hàng dự trữ không trực tiếp mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp nhưng đóng vai trò quan trọng để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường. Nếu doanh nghiệp dự trữ với lượng quá lớn sẽ gây ứ đọng vốn, tồn kém chi phí ngược lại nếu dự trữ quá ít làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh bị gián đoạn tác động xấu đến doanh nghiệp.

Hàng tồn kho đối với quá trình sản xuất là các loại nguyên liệu nằm tại các công đoạn trong dây chuyền sản xuất. Quá trình sản xuất của các doanh nghiệp thường được chia ra nhiều công đoạn giữa những công đoạn này bao giờ cũng tồn tại những bán thành phẩm. Quá trình sản xuất càng dài và càng nhiều công đoạn thì lượng hàng dự trữ càng lớn.

Khi tiến hành sản xuất xong, hầu như các doanh nghiệp chưa thể tiêu thụ hết ngay được, phần thì do có “độ trễ” nhất định giữa sản xuất và tiêu dùng, phần do phải có đủ lô hàng mới sản xuất được. ...do vậy, những doanh nghiệp sản xuất mang tính thời vụ và có quy trình chế tạo tốn nhiều thời gian thì tồn kho sản phẩm hoàn thành sẽ lớn [9, tr.132].

### - Quản lý các khoản phải thu

Để thực hiện được sự cạnh tranh trên thị trường, các doanh nghiệp có thể sử dụng chiến lược về chất lượng sản phẩm, về quảng cáo, về giá cả, về dịch vụ giao hàng và các dịch vụ vận chuyển, lắp đặt...Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng trong nền kinh tế thị trường thì việc mua bán chịu là việc không thể thiếu. Tín

dụng thương mại có thể làm cho doanh nghiệp đứng vững trên thị trường và trở nên giàu có nhưng cũng có thể đem đến rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp [9, tr.144].

Việc cấp tín dụng thương mại cho khách hàng phải được nhà quản lý xem xét, quyết định và đưa ra các điều khoản cho phù hợp. Để cấp tín dụng thương mại nhà quản lý phải tiến hành phân tích khả năng tín dụng của khách hàng.

Thực tiễn kinh doanh cho thấy khi bán chịu doanh nghiệp có thể gặp phải rủi ro không thu được tiền của khách hàng. Do đó, nhà quản lý phải theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu để kịp thời đưa ra những thay đổi trong chính sách tín dụng thương mại, xem xét số dư các khoản phải thu và có biện pháp giải quyết thu hồi nợ khi đến hạn.

#### *1.1.4.2. Quản lý vốn cố định*

Sự vận động của vốn cố định gắn với hình thái vật chất của nó. Để quản lý vốn cố định một cách có hiệu quả cần quản lý quỹ khấu hao tài sản cố định và quản lý nguồn vốn dài hạn.

Tài sản cố định bị hao mòn dần trong quá trình sử dụng, hay nói cách khác là sự giảm dần về giá trị của tài sản cố định. Hao mòn tài sản cố định bao gồm hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình.

Hao mòn hữu hình là hao mòn do sử dụng và tác động của môi trường. Hao mòn hữu hình sẽ càng lớn nếu doanh nghiệp càng sử dụng nhiều hoặc do ở trong môi trường có sự ăn mòn điện hoá học hay hoá học. Hao mòn vô hình là hao mòn liên quan đến tiến bộ khoa học kỹ thuật làm cho tài sản cố định bị giảm giá hoặc lỗi thời. Hao mòn vô hình thường xảy ra trong ba trường hợp:

- Có tài sản cố định khác giống hệt tài sản cố định cũ nhưng giá rẻ hơn.

- Có tài sản cố định khác có giá bằng tài sản cố định cũ nhưng tính năng ưu việt hơn.

- Khi một sản phẩm nào đó bị lỗi thời thì tài sản chế tạo ra nó bị hao mòn vô hình.

TSCĐ bị hao mòn dần trong quá trình sử dụng nên trong mỗi chu kỳ sản xuất kinh doanh người ta thực hiện tính chuyển một lượng giá trị tương đương với phần hao mòn vào giá thành của sản phẩm. Khi sản phẩm được tiêu thụ, số tiền này được trích lại thành một quỹ dùng để tái trang bị tài sản cố định. Số tiền tính chuyển này là khấu hao tài sản cố định. Vì thế, nhà quản lý tài chính phải cân nhắc, tính toán mức khấu hao sao cho phù hợp với quy định Nhà nước và tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Khi xác định mức trích khấu hao tài sản cố định, nhà quản lý cần chú trọng đến các yếu tố sau:

- Hao mòn vô hình của tài sản cố định
- Nguồn vốn đầu tư cho tài sản cố định
- Tình hình tiêu thụ sản phẩm do tài sản cố định đó chế tạo ra trên thị trường.
- Ảnh hưởng của thuế đối với việc trích khấu hao
- Quy định của Nhà nước trong việc trích khấu hao TSCĐ

Hầu hết các doanh nghiệp sử dụng toàn bộ số khấu hao lũy kế của tài sản cố định để tiến hành việc tái đầu tư, thay thế, sửa chữa hoặc đổi mới tài sản cố định. Tuy nhiên, trong trường hợp chưa có nhu cầu tái tạo lại tài sản cố định doanh nghiệp sẽ sử dụng linh hoạt số khấu hao lũy kế để phục vụ cho yêu cầu kinh doanh của mình [9, tr.115- tr.118].

Nguồn vốn dài hạn là nguồn vốn doanh nghiệp có thể sử dụng trong thời gian dài hơn một năm. Nguồn vốn dài hạn gồm có vốn chủ sở hữu và các khoản nợ dài hạn như vay trung hạn, vay dài hạn, cổ phiếu, trái phiếu, tín dụng thuê mua... Nguồn vốn này dùng để hình thành nên tài sản dài hạn và một bộ phận tài sản ngắn hạn thường xuyên trong doanh nghiệp.

Khi sử dụng vốn dài hạn tài trợ cho tài sản dài hạn thì nhà quản lý doanh nghiệp cần đáp ứng được nhu cầu vốn ở thời điểm cao nhất. Trường hợp dùng nguồn vốn này tài trợ cho tài sản ngắn hạn thường xuyên thì rủi ro thấp, ổn định nhưng chi phí trả lãi sẽ cao.

Để sử dụng hiệu quả nguồn vốn dài hạn nhà quản lý cần xác định được chính xác nhu cầu vốn của doanh nghiệp. Ngoài ra, nhà quản lý cần phải lưu ý đến các khoản lãi, các khoản phải trả dài hạn nhằm đảm bảo được khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

## **1.2. LÝ LUẬN VỀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TRONG DOANH NGHIỆP**

### **1.2.1. Khái niệm hiệu quả sử dụng vốn**

Khai thác, quản lý và sử dụng vốn là lĩnh vực có tính chất quyết định đối với sản xuất kinh doanh vì thế các doanh nghiệp luôn quan tâm, chú trọng đến hiệu quả sử dụng vốn. Khi nói đến hiệu quả sử dụng vốn nếu tỷ lệ sinh lời trên vốn đầu tư cao hơn lãi suất huy động thì hoạt động sử dụng vốn được xem là hiệu quả, mức độ chênh lệch càng lớn thì hiệu quả càng cao.

Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh phản ánh trình độ khai thác, sử dụng và quản lý nguồn vốn của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh với mục tiêu chủ yếu tạo ra lợi nhuận tối đa trên đồng vốn bỏ ra.

Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh được lượng hóa thông qua hệ thống chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng hoạt động..., thể hiện mối quan hệ giữa đầu ra và đầu vào của sản xuất kinh doanh bằng thước đo tiền tệ, mối quan hệ giữa kết quả thu được và chi phí bỏ ra.



Hiệu quả sử dụng vốn bao gồm hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

Hiệu quả kinh tế thể hiện mối quan hệ tương quan giữa chi phí bỏ ra và lợi nhuận thu về. Hiệu quả sử dụng vốn càng cao khi lợi nhuận thu được lớn hơn nhiều so với chi phí và tỷ suất sinh lời lớn hơn chi phí huy động vốn trên thị trường.

Hiệu quả xã hội đo lường mức độ đóng góp trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội thể hiện ở việc đáp ứng nhu cầu tiêu dùng các loại hàng hoá, nâng cao văn hoá tiêu dùng, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước [9].

### **1.2.2. Sự cần thiết của việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp.**

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh là cần thiết, mang tính tất yếu khách quan trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Thực hiện đánh giá hiệu quả sử dụng vốn giúp doanh nghiệp nhận thức được trình độ tổ chức quản lý, sử dụng vốn và hiệu quả kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh giúp doanh nghiệp đảm bảo an toàn về mặt tài chính, điều này có tác động trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Doanh nghiệp đảm bảo đủ vốn và khả năng thanh toán sẽ khắc phục và giảm bớt được các rủi ro trong kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh góp phần làm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Doanh nghiệp cần đảm bảo vốn cho các yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tạo điều kiện cho doanh nghiệp nâng cao uy tín sản phẩm trên thị trường, thu nhập của người lao

động... Khi hoạt động kinh doanh mang lại nhiều lợi nhuận giúp doanh nghiệp có thể mở rộng quy mô sản xuất, năng suất lao động được nâng cao, số lượng việc làm được tạo ra nhiều hơn, thu nhập và đời sống của người lao động được cải thiện.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tạo đà cho sự phát triển của doanh nghiệp và các ngành liên quan, gia tăng các khoản đóng góp cho ngân sách Nhà nước [9].

### **1.2.3. Phương pháp phân tích hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp**

#### *1.2.3.1. Phương pháp so sánh*

Phương pháp so sánh được sử dụng rộng rãi trong phân tích số liệu nhằm xác định được xu hướng, mức độ biến động của chỉ tiêu nghiên cứu. Phương pháp này tiến hành thông qua việc xem xét, đối chiếu các hiện tượng kinh tế, các chỉ tiêu để đánh giá xu hướng biến động chung. Để thực hiện phương pháp so sánh, cần lưu ý các vấn đề cơ bản bao gồm: gốc để so sánh, điều kiện và mục tiêu so sánh.

+ Điều kiện so sánh:

- Nội dung kinh tế của các chỉ tiêu được so sánh phải giống nhau.
- Phương pháp tính các chỉ tiêu được so sánh phải giống nhau.
- Đơn vị tính của các chỉ tiêu được so sánh phải giống nhau.
- Độ dài thời gian tính các chỉ tiêu được so sánh phải giống nhau.

+ Mục tiêu so sánh

Mục tiêu so sánh chính là xác định xu hướng, mục tiêu biến động. Khi tiến hành so sánh cần làm rõ mức độ biến động tuyệt đối và mức độ biến động tương đối.

- Mức độ biến động tuyệt đối được đo lường bằng cách so sánh trị số của chỉ tiêu giữa hai kỳ.

- Mức độ biến động tương đối được đo lường bằng cách so sánh trị số của chỉ tiêu thực tế với trị số của kỳ gốc được điều chỉnh theo một hệ số của chỉ tiêu liên quan.

Nội dung của phương pháp so sánh:

+ So sánh số liệu kỳ này với kỳ trước để xác định xu hướng thay đổi về tài chính của doanh nghiệp.

+ So sánh số liệu chỉ tiêu thực hiện với số liệu kế hoạch đặt ra, số liệu của doanh nghiệp với số liệu của doanh nghiệp khác, của trung bình ngành để đánh giá mức độ phấn đấu của doanh nghiệp.

+ So sánh theo chiều dọc để xem xét tỷ trọng của từng chỉ tiêu so với tổng thể

+ So sánh theo chiều ngang trong nhiều kỳ để thấy được sự thay đổi về lượng và về tỷ lệ của các khoản mục theo thời gian [11].

#### *1.2.3.2. Phương pháp cân đối*

Phương pháp cân đối được dựa trên cơ sở sự cân bằng về lượng giữa tổng tài sản và tổng nguồn vốn, giữa nguồn vốn huy động và tình hình sử dụng vốn trong doanh nghiệp.

Phương pháp này thường được kết hợp với phương pháp so sánh để đánh giá toàn diện về tình hình tài chính của doanh nghiệp [11].

#### *1.2.3.3. Phương pháp phân tích chi tiết*

Phương pháp phân tích chi tiết được tiến hành dựa trên việc phân tích tỷ lệ các đại lượng tài chính. Do đó, cần phải xác định các ngưỡng để nhận định tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Theo phương pháp phân tích chi tiết, các tỷ lệ tài chính được phân thành các nhóm tỷ lệ phản ánh các nội dung cơ bản theo mục tiêu hoạt động của đơn vị, được chia thành năm nhóm gồm: nhóm tỷ lệ về khả năng thanh toán, nhóm tỷ lệ về khả năng hoạt động kinh doanh, nhóm tỷ lệ về khả năng sinh lời, nhóm tỷ lệ về đòn bẩy tài chính. Phân tích các nhóm tỷ lệ này sẽ đánh giá được tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp [11].

#### *1.2.3.4. Phương pháp thay thế liên hoàn*

Phương pháp thay thế liên hoàn là phương pháp được thực hiện bằng cách lần lượt thay thế từng nhân tố theo một trình tự nhất định nhằm xác định chính xác mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến chỉ tiêu cần phân tích thông qua việc cố định các nhân tố khác nhau trong mỗi lần thay thế.

#### ***Điều kiện của phương pháp là:***

- Có quan hệ phân tích với chỉ tiêu phân tích.
- Khi tiến hành sắp xếp các nhân tố phải tuân theo quy luật lượng chất, tức là nhân tố số lượng luôn đứng trước, nhân tố chất lượng luôn đứng sau [11].

### **1.2.4. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh**

#### *1.2.4.1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động*

- Tốc độ luân chuyển vốn lưu động được đánh giá thông qua hai chỉ tiêu đó là:
- + Vòng quay vốn lưu động

$$\text{Vòng quay vốn lưu động} = \frac{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}}{\text{Vốn lưu động bình quân}} \quad (1.1)$$

Vòng quay vốn lưu động phản ánh vốn lưu động quay được bao nhiêu vòng trong 1 kỳ. Chỉ tiêu này còn có tên gọi khác là hệ số luân chuyển vốn lưu động hay số lần luân chuyển vốn lưu động. Số vòng quay càng lớn thì hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp càng cao [14].

+ Kỳ luân chuyển vốn lưu động

$$\text{Kỳ luân chuyển vốn lưu động} = \frac{\text{Thời gian của kỳ phân tích}}{\text{Vòng quay vốn lưu động}} \quad (1.2)$$

Thời gian của kỳ phân tích được tính là 360 ngày cho một năm, 90 ngày cho một quý và 30 ngày cho một tháng.

Kỳ luân chuyển vốn lưu động xác định thời gian bình quân của một vòng quay vốn lưu động trong kỳ. Kỳ luân chuyển vốn lưu động càng nhỏ thì tốc độ luân chuyển vốn lưu động của doanh nghiệp càng nhanh, thời gian luân chuyển vốn được rút ngắn [14].

- Khả năng sinh lời của vốn lưu động được đánh giá thông qua chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn lưu động bình quân}} \quad (1.3)$$

Chỉ

tiêu tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động cho biết một đồng vốn lưu động bình quân tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận. Tỷ suất này càng cao, khả năng sinh lời của vốn lưu động càng lớn [14].

- Hệ số đảm nhiệm vốn lưu động

$$\text{Hệ số đảm nhiệm VLĐ} = \frac{\text{Vốn lưu động bình quân}}{\text{Doanh thu thuần}} \quad (1.4)$$

Hệ số đảm nhiệm vốn lưu động cho biết số đồng vốn lưu động để tạo ra một đồng doanh thu. Hệ số này càng thấp thì vốn lưu động được đánh giá sử dụng càng hiệu quả [14].

### **Nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng của từng bộ phận cấu thành vốn lưu động**

- Vòng quay các khoản phải thu

$$\text{Vòng quay các khoản phải thu} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Các khoản phải thu bình quân}} \quad (1.5)$$

Chỉ tiêu vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ luân chuyển các khoản phải thu trong kỳ phân tích. Vòng quay khoản phải thu càng lớn thì tốc độ thu hồi nợ càng cao. Phân tích chỉ tiêu vòng quay các khoản phải thu giúp nhận định được chính sách bán trả chậm, tình hình thu hồi công nợ của doanh nghiệp [14].

- Kỳ thu tiền bình quân

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{Thời gian của kỳ phân tích}}{\text{Vòng quay các khoản phải thu}} \quad (1.6)$$

Kỳ thu tiền bình quân thể hiện số ngày diễn ra một vòng quay các khoản phải thu. Kỳ thu tiền tỷ lệ nghịch với số vòng quay các khoản phải thu. Kỳ thu tiền càng được rút ngắn khi số vòng quay càng lớn. Dựa vào kỳ thu tiền bình quân có thể thấy được chính sách bán chịu của doanh nghiệp, khả năng quản lý, thu hồi công nợ của doanh nghiệp [14].

- Vòng quay hàng tồn kho

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}} \quad (1.7)$$

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho phản ánh số lần hàng tồn kho luân chuyển trong kỳ. Số vòng luân chuyển hàng tồn kho càng cao thì hiệu quả sử dụng hàng tồn kho được đánh giá càng tốt khi đó doanh số cao, chi phí hàng tồn kho thấp [14].

- Số ngày tồn kho

$$\text{Số ngày tồn kho} = \frac{\text{Thời gian của kỳ phân tích}}{\text{Vòng quay hàng tồn kho}} \quad (1.8)$$

Số ngày tồn kho thể hiện số ngày diễn ra một vòng quay hàng tồn kho. Số vòng quay hàng tồn kho tỷ lệ nghịch với số ngày tồn kho. Khi số vòng quay càng lớn, số ngày tồn kho càng ngắn [14].

#### 1.2.4.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn cố định

-

$$\text{Hiệu suất sử dụng VCD} = \frac{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}}{\text{Vốn cố định bình quân}} \quad (1.9)$$

Hiệu suất sử dụng vốn cố định

Chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn cố định cho biết một đồng vốn cố định bình quân trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu thuần. Chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ hiệu suất sử dụng vốn cố định càng cao [14].

$$\text{Hàm lượng VCD} = \frac{\text{Vốn cố định bình quân}}{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}} \quad (1.10)$$

- Hàm lượng vốn cố định

Hàm lượng vốn cố định là chỉ tiêu nghịch đảo với hiệu suất sử dụng vốn cố định. Chỉ tiêu này càng nhỏ thì hiệu suất sử dụng vốn cố định càng cao [14].

-

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ} \\ \text{suất} \\ \text{lợi} \end{array} \quad \text{Tỷ suất lợi nhuận VCD} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn cố định bình quân}} \quad (1.11)$$

nhuận VCD

Tỷ suất lợi nhuận vốn cố định phản ánh một đồng vốn cố định tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận. Tỷ suất lợi nhuận càng lớn hiệu quả sử dụng vốn cố định càng tốt [14].

$$\text{Tỷ suất đầu tư TSCĐ} = \frac{\text{Giá trị còn lại của TSCĐ}}{\text{Tổng tài sản}} \quad (1.12)$$

- Tỷ suất đầu tư tài sản cố định

Tỷ suất đầu tư tài sản cố định cho biết mức độ đầu tư vào tài sản cố định trong tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp so với thời điểm đầu tư ban đầu [14]



### 1.2.4.3. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tổng vốn

Hiệu quả sử dụng tổng vốn có ý nghĩa quan trọng và quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng tổng vốn phản ánh trình độ quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nói chung:

$$\text{Hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh} = \frac{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân}} \quad (1.13)$$

- Hiệu suất sử dụng vốn:

Hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh giúp doanh nghiệp nhận định được một đồng vốn mà doanh nghiệp tiến hành đầu tư đem lại mấy đồng doanh thu thuần. Chỉ tiêu này càng lớn thì hiệu quả quản lý vốn, hiệu quả sản xuất kinh doanh càng cao [14].

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên VKD} = \frac{\text{Lợi nhuận trước (sau) thuế}}{\text{Vốn kinh doanh bình quân trong kỳ}} \quad (1.14)$$

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn kinh doanh (ROI):

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn kinh doanh phản ánh một đồng vốn doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận. ROI càng cao thể hiện việc sử dụng vốn càng hiệu quả [14].

- Tỷ suất lợi nhuận doanh thu (ROS):

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần trong kỳ}} \quad (1.15)$$

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu hay còn gọi là hệ số lãi ròng phản ánh mối quan hệ giữa lợi nhuận sau thuế và doanh thu thuần cho thấy trong 1 đồng doanh thu thuần mà doanh nghiệp thu được bao nhiêu lợi nhuận [14].

$$\text{Tỷ suất sinh lời của tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế và lãi vay}}{\text{VKD bình quân trong kỳ}} \quad (1.16)$$

Chỉ tiêu tỷ suất sinh lời của tài sản cho thấy hiệu quả trong việc sử dụng tài sản ở doanh nghiệp, thông qua đó đánh giá về trình độ quản lý và sử dụng tài sản. Tỷ suất này cho biết một đồng tài sản bình quân doanh nghiệp đầu tư trong kỳ tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận. Tỷ suất sinh lời của tài sản càng cao thì tài sản sử dụng càng hiệu quả [14].

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên VCSH} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} \quad (1.17)$$

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE):

Chỉ tiêu này thể hiện khái quát nhất hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Phân tích chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu sẽ đánh giá được một đồng vốn chủ sở hữu đầu tư vào hoạt động kinh doanh trong kỳ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Trị số của chỉ tiêu ROE càng cao, hiệu quả sử dụng vốn càng tốt [14].

### **1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN KINH DOANH.**

Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh có tác động trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. Do đó, việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao hiệu quả hoạt động sử dụng vốn nói riêng và hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung.

### **1.3.1. Nhân tố khách quan**

Nhân tố khách quan là những nhân tố bên ngoài thuộc về môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Các nhân tố khách quan có ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp bao gồm:

#### **- Sự ổn định và phát triển của nền kinh tế**

Sự ổn định và phát triển của nền kinh tế tác động đến doanh thu của doanh nghiệp thông qua đó ảnh hưởng đến nhu cầu về vốn. Nền kinh tế thiếu ổn định sẽ gây nên những rủi ro trong hoạt động kinh doanh mà các nhà quản trị phải lường trước những rủi ro đó có tác động tới các khoản chi phí về đầu tư, tiền thuê nhà xưởng, chi phí lãi vay, máy móc thiết bị hay tìm nguồn tài trợ về vốn.

Khi nền kinh tế ổn định và tăng trưởng với một mức độ nhất định, doanh nghiệp muốn duy trì và giữ vững vị trí của mình phải phấn đấu để phát triển với nhịp độ tương đương. Doanh thu tăng dẫn đến sự gia tăng khoản mục tài sản, các nguồn phải thu và các loại tài sản khác và các nhà quản trị phải tìm nguồn vốn tài trợ để mở rộng sản xuất.

#### **- Chính sách pháp lý**

Chính sách pháp lý là hệ thống các chế tài, các chính sách có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bất kỳ sự thay đổi nào trong chính sách hiện hành đều ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Các chính sách pháp lý trong đó có các chính sách kinh tế là yếu tố để doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh doanh, quyết định sử dụng vốn.

- Thị trường tài chính

Thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian là nhân tố tác động đến hoạt động của doanh nghiệp trong đó có hoạt động tài chính. Thị trường tài chính phát triển, doanh nghiệp mới dễ dàng tiếp cận được nguồn vốn với chi phí rẻ đồng thời giúp doanh nghiệp có thể đa dạng hình thức đầu tư.

- Các nhân tố khác

+ Khoa học, công nghệ là nhân tố có tác động đến tất cả các lĩnh vực, do đó hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động sử dụng vốn bị ảnh hưởng bởi nhân tố này.

+ Những rủi ro bất thường gây ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả sử dụng vốn như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh... Do đó, doanh nghiệp nên phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng hoặc mua bảo hiểm.

### **1.3.2. Nhân tố chủ quan**

- Nhân tố con người

Nhân tố con người là nhân tố đầu tiên và quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh. Con người ở đây là toàn bộ lực lượng lao động trong doanh nghiệp gồm nhà quản lý doanh nghiệp và cán bộ công nhân viên. Trong quá trình hoạt động, nếu nhà quản lý không có được phương án sản xuất kinh doanh hữu hiệu sẽ gây ra những lãng phí về vốn, nhân lực, vật tư... làm giảm hiệu quả kinh doanh và sử dụng vốn. Trong vấn đề về vốn, nhà quản lý cũng cần huy động đủ vốn cho nhu cầu sản xuất kinh doanh đảm bảo không thừa vốn, thiếu vốn. Nhà quản lý có tầm nhìn chiến lược, đội ngũ nhân viên, người lao động trực tiếp có trình độ chuyên môn cao, đạt kỹ năng, kỹ xảo... sẽ là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Nhân tố cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn là tỷ lệ giữa các quan hệ cấu thành nên vốn. Cơ cấu vốn giữ vai trò quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của đồng vốn.

Cơ cấu vốn chịu tác động của các nhân tố:

+ Đặc điểm kinh tế kỹ thuật của ngành: những doanh nghiệp thuộc ngành dịch vụ, thương mại... vốn tài trợ từ các khoản vay thường chiếm tỷ trọng cao và ngược lại những doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài, vòng quay vốn chậm thì vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cao.

+ Cơ cấu tài sản: tài sản cố định có thời gian thu hồi dài cần phải được đầu tư bằng nguồn vốn dài hạn, tài sản lưu động chủ yếu đầu tư từ nguồn vốn ngắn hạn.

+ Doanh lợi vốn và lãi suất huy động vốn vay: doanh lợi vốn cao hơn lãi suất huy động vốn vay thì doanh nghiệp sẽ lựa chọn tài trợ bằng nguồn vốn đi vay. Trường hợp ngược lại, doanh lợi vốn nhỏ hơn lãi suất huy động vốn vay lúc này cơ cấu vốn lại nghiêng về vốn chủ sở hữu.

+ Mức độ chấp nhận rủi ro của nhà quản lý doanh nghiệp: trong kinh doanh đôi khi phải chấp nhận rủi ro thì mới có cơ hội gia tăng lợi nhuận. Tuy nhiên, tăng tỷ trọng vốn vay mức độ mạo hiểm cũng sẽ gia tăng.

Cơ cấu vốn chủ yếu tác động gián tiếp nhưng rất quan trọng đến hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Cơ cấu vốn hợp lý thúc đẩy sự vận động của đồng vốn, không bị ứ đọng và sử dụng sai mục đích.

- Chi phí vốn

Chi phí vốn được hiểu là khoản chi phí nhất định mà doanh nghiệp phải bỏ ra để được sử dụng vốn. Chi phí vốn chính là chi phí cơ hội phải trả khi huy động vốn như chi phí phát hành cổ phiếu, tiền lãi vay...

Chi phí vốn chịu ảnh hưởng từ cơ cấu vốn. Cơ cấu vốn hợp lý giúp tiết kiệm chi phí vốn, nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng vốn. Cơ cấu vốn không hợp lý làm cho chi phí sử dụng vốn bị lãng phí.

- Nhân tố tổ chức sản xuất kinh doanh

Đặc điểm về chu kỳ sản xuất, sản phẩm của các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực là khác nhau do đó hiệu quả trong việc sử dụng vốn cũng khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh tác động đến hiệu quả sử dụng vốn thông qua quy mô, cơ cấu vốn kinh doanh. Quy mô, cơ cấu vốn khác biệt ảnh hưởng đến phương pháp đầu tư, tốc độ luân chuyển vốn, thể thức trong thanh toán từ đó tác động đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Tính thời vụ trong sản xuất kinh doanh và chu kỳ sản xuất ảnh hưởng thông qua nhu cầu vốn và doanh thu tiêu thụ sản phẩm. Những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất có tính thời vụ thì nhu cầu vốn lưu động giữa các quý trong một năm thường biến động lớn, doanh thu bán hàng không đồng đều dẫn đến tình hình thanh toán, chi trả gặp khó khăn ảnh hưởng đến kỳ thu tiền, vòng quay vốn và hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp nói chung. Những doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh ngắn thì nhu cầu về vốn trong năm không có biến động lớn, thêm vào đó doanh nghiệp lại thu được tiền bán hàng thường xuyên, tạo điều kiện giúp doanh nghiệp dễ dàng đảm bảo việc cân đối thu chi bằng tiền, đảm bảo được nguồn vốn trong kinh doanh, vốn luân chuyển nhiều vòng trong năm. Mặt khác, những doanh nghiệp sản xuất ra các sản phẩm có chu kỳ sản xuất dài cần phải ứng ra lượng vốn lưu động tương đối lớn, vốn quay vòng ít và thời gian thu hồi vốn chậm [9].

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**

### **2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG

Tên giao dịch Tiếng Anh: Hai Phong Electrical Mechanical Joint Stock Company.

Tên viết tắt: HAPEMCO

Trụ sở chính: Số 734 Nguyễn Văn Linh - Lê Chân - Hải Phòng

Cơ sở 2: Số 20 Đinh Tiên Hoàng - Hồng Bàng - Hải Phòng

Điện thoại: 0313.835927 hoặc 0313.783328

Fax: 0313.857393

Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng là một trong những đơn vị công nghiệp đầu tiên của thành phố, được thành lập ngay sau khi Hải Phòng giải phóng, và thời kỳ miền Bắc bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc cho miền Nam. Tiền thân của Công ty là xí nghiệp Hải Phòng điện khí (thành lập năm 1961) được sáp nhập từ 3 cơ sở công tư hợp doanh nhỏ trong nội thành. Tuy nhỏ nhưng công ty lại có nhiều điều kiện phát triển bởi một ngành hàng đặc biệt là các loại quạt điện và động cơ điện.

Thời kỳ vàng son nhất là khoảng năm 1984, khi công ty đã có một tiềm lực đáng kể và được đổi tên thành Xí nghiệp Điện cơ Hải Phòng. Với sản phẩm gần như độc quyền, sản xuất tới đâu tiêu thụ hết đến đó, uy tín ngày càng được nâng cao nhưng xí nghiệp vẫn không ngừng nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm, nhất là các loại quạt điện, động cơ điện, máy hàn, trong đó quạt điện mang nhãn hiệu “Phong Lan” là chủ yếu và nhanh chóng nổi tiếng khắp nơi.

Song, đến những năm cuối của thập niên 80, khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, từ vị thế gần như độc quyền, sản phẩm của xí nghiệp phải

đổi mặt với sự cạnh tranh gay gắt của những hàng nhập ngoại cả về mẫu mã và chất lượng. Nhận thức được những khó khăn trước mắt, xí nghiệp đã tự đổi mới mình về mọi mặt, quyết tâm vượt qua thách thức, duy trì và phát triển. Tháng 10/1992, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1208/QĐ-UB ngày 11/10/1992 về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước đối với Xí nghiệp Điện cơ Hải Phòng. Và đến năm 1998, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty Điện cơ Hải Phòng. Từ đây, đơn vị được hoạt động một cách tự chủ, hạch toán có lãi, sản xuất các sản phẩm do thị trường quyết định mà chủ yếu là quạt điện dân dụng và linh kiện quạt các loại.

Tiếp tục đổi mới công nghệ, tháng 5/1998 Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với tập đoàn Mitsubishi của Nhật Bản tại Hồng Kông để đầu tư dây chuyền hàn lồng quạt bán tự động và dây chuyền phun sơn tĩnh điện sản xuất các linh kiện quạt điện.

Ngày 26/12/2003 Công ty Điện Cơ Hải Phòng đổi tên thành Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng theo Quyết định số 3430/QĐ-UB ngày 26/12/2003 của UBND thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ Phần Điện Cơ Hải Phòng số 0203000691 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Hải Phòng cấp ngày 13/01/2004.

Sau khi tiếp tục chuyển đổi một bước nữa về mô hình, trở thành Công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng từ năm 2004 đến nay, công ty càng có điều kiện hơn để đổi mới, hội nhập và phát triển. Tăng cường đầu tư, đổi mới thiết bị máy móc, chăm lo tới yếu tố con người, thị trường và nhiều lĩnh vực thiết yếu khác. Được sự tin yêu của người tiêu dùng, cuối năm 2008, Công ty mạnh dạn đầu tư công nghệ, thiết bị sản xuất dòng quạt điện công nghiệp mang thương hiệu Gale. Sau gần 10 năm xây dựng và phát triển, thương hiệu Gale của Công ty đã được người tiêu dùng khắp cả nước nhiệt tình ủng hộ. Để chuyên môn hóa và chuyên nghiệp hóa sản phẩm, năm 2015 với chủ trương mở rộng sản xuất, cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm, Hội đồng quản trị đã quyết định đầu tư 1 cơ sở mới



chuyên sản xuất quạt điện công nghiệp Gale tại khu công nghiệp Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng với diện tích gần 8.000m<sup>2</sup>. Năm 2015, số lượng quạt Gale tiêu thụ cao gấp hơn 2 lần so với số lượng quạt tiêu thụ vào năm 2009.

Trải qua biết bao thăng trầm, mấy chục năm qua, từ thời kỳ “quạt điện quý như vàng” cho tới khi cơ chế thị trường bung ra, quạt điện nội, ngoại đủ cả nhưng quạt điện Phong Lan vẫn giữ nguyên giá trị, không hề mai một mà ngược lại ngày càng phát triển [18].

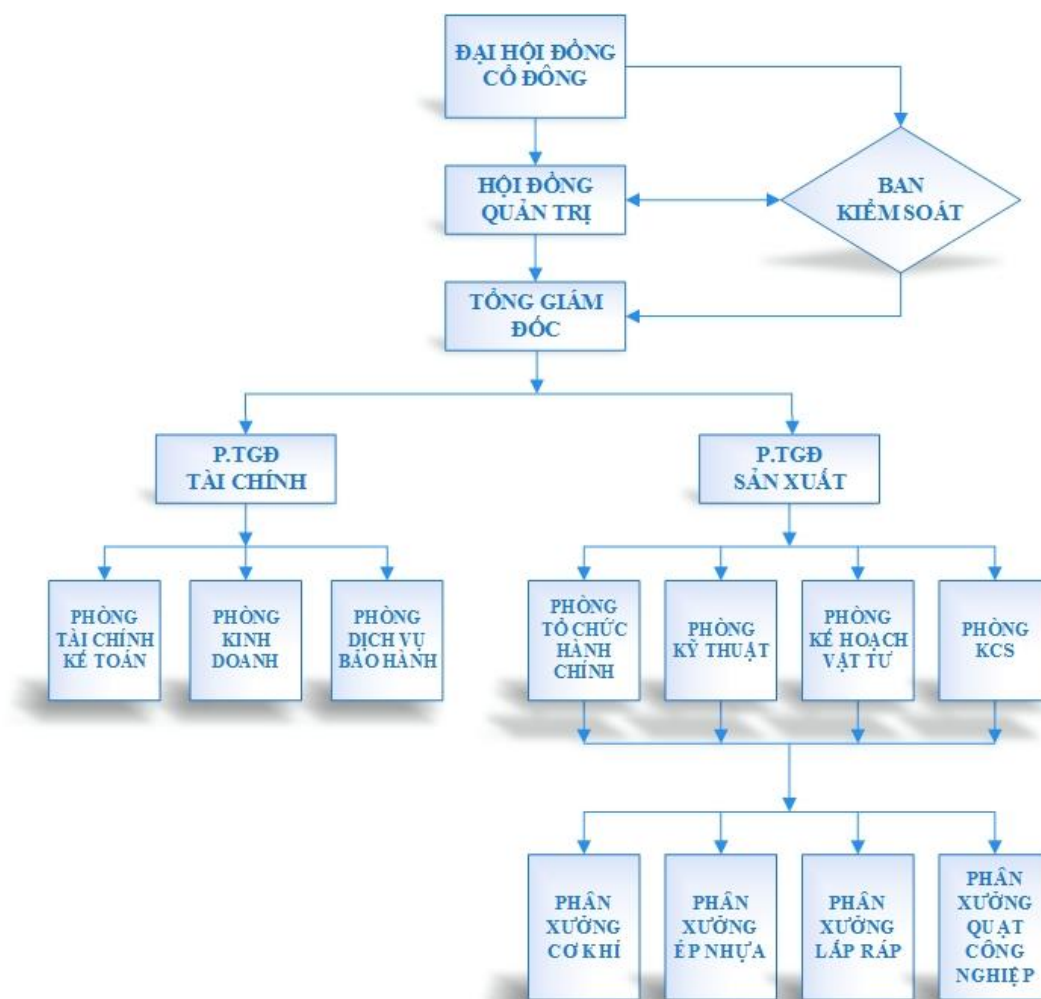
### **2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ**

- Sản xuất quạt gia dụng, các linh kiện thiết bị điện liên quan đến ngành quạt, tủ lạnh, tủ ướp lạnh, máy giặt và sấy khô, máy lau sàn, máy nghiền rác, máy xay, nghiền, ép hoa quả, mở hộp, máy cạo râu điện, đánh răng điện và các thiết bị dùng cho cá nhân bằng điện khác, máy mài dao, quạt thông gió, máy đun nước bằng điện, chăn điện, máy sấy, cuộn tóc bằng điện, bàn là điện, máy sưởi và quạt gia dụng, lò điện, lò vi sóng, bếp điện, lò nướng bánh, máy pha cà phê, chảo rán, quay, nướng, hấp, điện trở.

- Đại lý các loại quạt gia dụng, quạt công nghiệp, máy móc, thiết bị công nghiệp.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và đồ dùng khác cho gia đình
- Bán lẻ đồ điện gia dụng
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic [18].

### **2.1.3. Cơ cấu tổ chức của công ty**

**Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần Điện cơ Hải Phòng**



(Nguồn: <http://www.hapemco.vn/gioi-thieu/hethongquantri>) [18].

**+ Đại Hội Đồng cổ đông:**

- Thông qua định hướng phát triển của công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát.
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Quyết định bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm

#### + **Ban kiểm soát:**

- Thực hiện việc giám sát hội đồng quản trị, giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh và công tác kế toán.

- Kiến nghị đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung và cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

#### + **Hội Đồng Quản Trị:**

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, giải pháp về tiếp thị và công nghệ.

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế trong quản lý nội bộ của công ty.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và những người quản lý quan trọng khác, quyết định tiền lương và các lợi ích khác của những người quản lý đó.

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.

- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

#### + **Tổng giám đốc:**

- Quyết định các vấn đề điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

- Chịu trách nhiệm về những vấn đề liên quan đến quản lý, kỹ thuật, tài chính.

- Tổ chức thực hiện các quyết định Hội đồng quản trị đề ra.

- Tổ chức việc triển khai kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty.

- Kiến nghị với Hội đồng quản trị các phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

- Quyết định mức lương và phụ cấp với người lao động trong công ty.

- Ra quyết định về tuyển dụng nhân sự hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.

- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

#### **+ Phó Tổng giám đốc tài chính:**

- Đảm bảo thực hiện được các mục tiêu kinh doanh của công ty.

- Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chương trình quảng cáo cho sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

- Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến tình hình tài chính của công ty.

- Thực hiện kế hoạch phát triển thị trường.

#### **+ Phó Tổng giám đốc sản xuất:**

- Thực hiện quản lý điều hành hoạt động sản xuất.

- Chịu trách nhiệm điều hành phòng Kỹ thuật và phòng KCS, phòng vật tư và phòng hành chính.

- Kiểm tra chất lượng sản phẩm.

#### **Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban:**

##### **+ Phòng Tiêu thụ sản phẩm:**

- Thực hiện hoạt động bán hàng, bán linh kiện, vật tư.

- Tìm hiểu thị trường, phát triển thị trường.

##### **+ Phòng Kế hoạch - vật tư:**

- Cung ứng vật tư, cấp phát và quyết toán vật tư.
- Xây dựng kế hoạch theo năm, theo tháng và tiến độ sản xuất.
- Thực hiện việc xuất nhập khẩu hàng hóa, vật tư.

+ Phòng Tài chính - kế toán:

- Thực hiện công tác kế toán trong Công ty.
- Quyết toán tài chính, lập báo cáo tài chính hàng năm và tiến hành phân chia các quỹ.

+ Phòng Tổ chức - hành chính:

- Tham mưu cho Ban Giám Đốc về tổ chức bộ máy quản lý.
- Quản lý nhân sự, đào tạo.
- Thực hiện các thủ tục hành chính phục vụ bộ máy hoạt động tập trung và bảo vệ con người và tài sản trong Công ty.

+ Phòng Kỹ thuật: phụ trách công tác kiểm tra kỹ thuật

+ Phòng KCS:

- Kiểm tra chất lượng sản phẩm.
- Bảo hành sản phẩm.

+ Phân xưởng Cơ khí:

- Sản xuất các chi tiết cơ khí quạt điện.
- Sản xuất lồng quạt để bán hàng.
- Sơn tĩnh điện các chi tiết quạt và nhận sơn gia công...

+ Phân xưởng Nhựa: quản lý, khai thác hệ thống máy ép phun nhựa và khuôn mẫu các loại.

+ Phân xưởng Lắp ráp:

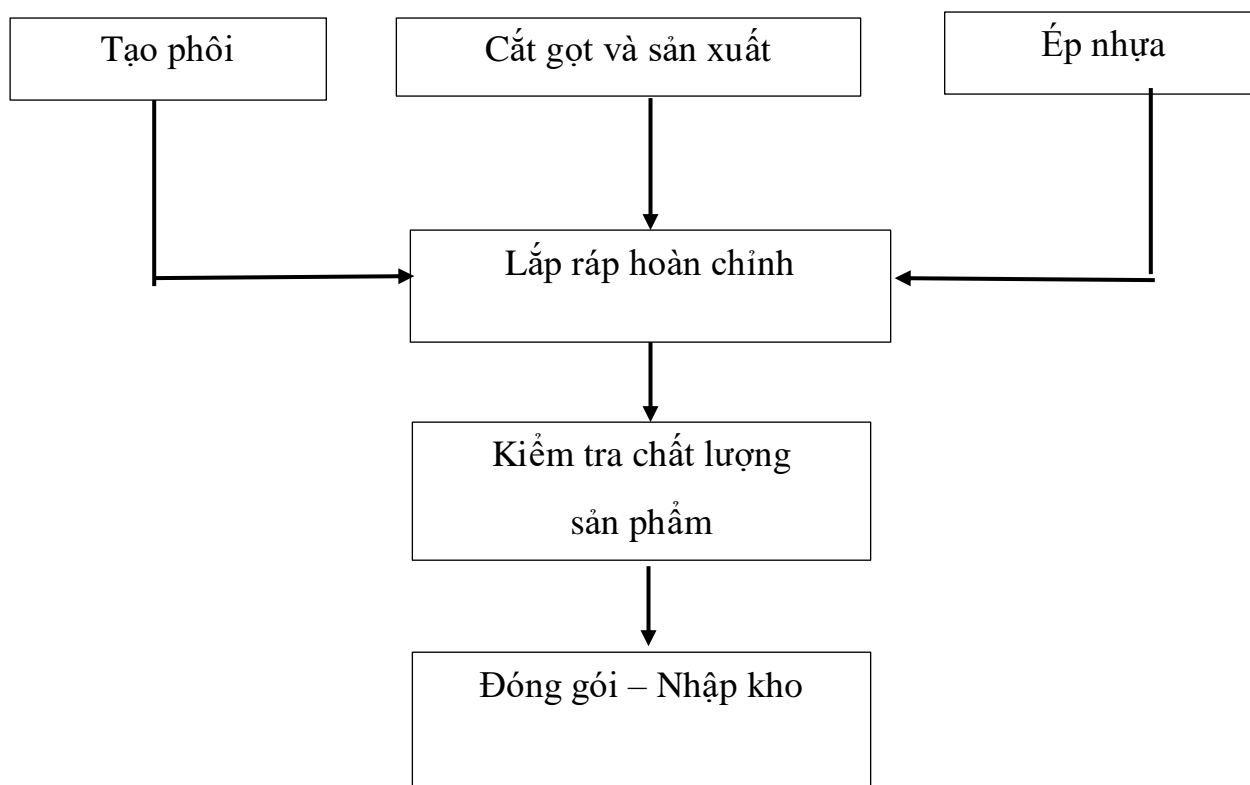
- Quấn, hạ động cơ quạt điện các loại.
- Thực hiện lắp ráp hoàn thành quạt điện, đóng gói nhập kho thành phẩm Công ty.

+ Phân xưởng quạt điện công nghiệp: thực hiện việc đóng gói sản phẩm

#### 2.1.4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Quy trình sản xuất của công ty là quy trình khép kín, cụ thể như sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 2.2. Quy trình sản xuất sản phẩm



- Quá trình tạo phôi: quá trình đột dập các chi tiết cơ khí, sản xuất các khối tôn từ, quấn hạ dây quạt điện.

- Quá trình cắt gọt và sản xuất: quá trình gia công cơ khí các chi tiết động cơ quạt và sản xuất lồng quạt.

- Quá trình ép nhựa sản xuất các chi tiết kết cấu quạt như vỏ nhựa quạt, cánh quạt...

- Quá trình lắp ráp hoàn chỉnh: khâu cuối cùng của quy trình sản xuất quạt điện, tất cả các bán thành phẩm sẽ được đưa đến bộ phận lắp ráp để tiến hành lắp thành quạt thành phẩm.

- Quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm được tiến hành bởi bộ phận KCS sau quá trình lắp ráp hoàn chỉnh. Sản phẩm không đạt tiêu chuẩn sẽ được đưa vào xử lý.

- Quá trình đóng gói và nhập kho: Những sản phẩm đạt tiêu chuẩn sau quá trình kiểm tra sẽ được đưa vào đóng gói, nhập kho.

#### \* Tình hình kinh doanh của Công ty

Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các loại quạt điện bao gồm quạt dân dụng, quạt công nghiệp và cung cấp các linh kiện cơ khí cho sản xuất quạt điện trong nước.

Công ty sản xuất 2 dòng sản phẩm chính là quạt dân dụng và quạt công nghiệp trong đó sản phẩm truyền thống là quạt “Phong Lan” đã có thương hiệu và vị thế trên thị trường tiêu thụ là thành phố Hải Phòng và khu vực miền duyên hải Bắc Bộ. Dòng sản phẩm quạt công nghiệp mang thương hiệu “Gale” cũng đang ngày càng có vị trí vững chắc trên thị trường. Bên cạnh đó, công ty cũng tiến hành nhập khẩu và phân phối dòng sản phẩm quạt điện cao cấp từ Nhật Bản mang thương hiệu Mitsubishi. Về sản xuất linh kiện, công ty cung cấp các loại lồng quạt, linh kiện nhựa, vật tư bán thành phẩm cho các đơn vị sản xuất quạt điện trong nước.

**Bảng 2.1. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Điện cơ  
HP giai đoạn từ 2013-2017**

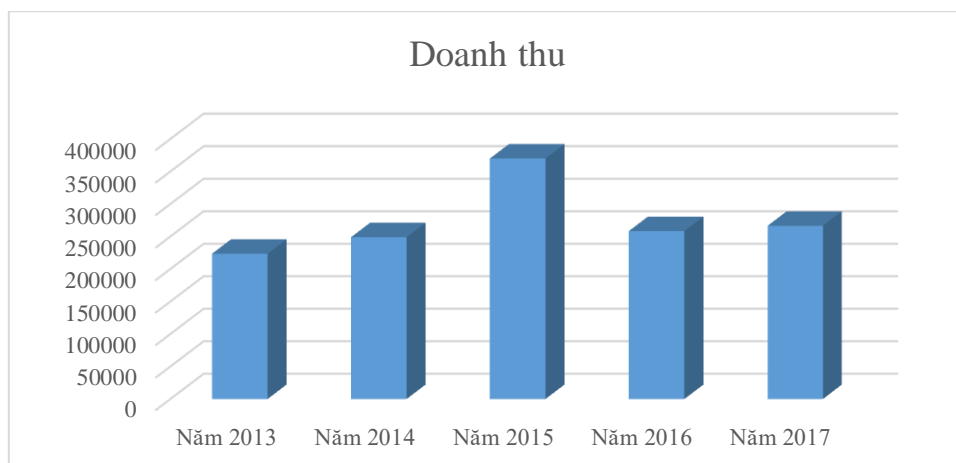
**Đvt: triệu đồng**

Chi tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	14/13	15/14	16/15	17/16
						(+/- %)	(+/- %)	(+/- %)	(+/- %)
Tổng doanh thu	225.373	251.288	370.623	258.611	267.109	11,50	47,49	-30,22	3,29
Các khoản giảm trừ	1.855	2.448	650	234	600	31,97	-73,45	-64,00	156,41
Doanh thu thuần	223.517	248.840	369.972	258.377	266.508	11,33	48,68	-30,16	3,15
Giá vốn hàng bán	183.409	211.073	336.817	222.659	232.420	15,08	59,57	-33,89	4,38
Lợi nhuận gộp	40.108	37.766	33.155	35.718	34.087	-5,84	-12,21	7,73	-4,57
Doanh thu hoạt động tài chính	20	11	2.334	16	49	-45	21118	-99,31	206,25
Chi phí hoạt động tài chính	4.498	2.958	1.453	2.144	2.025	-34,24	-50,88	47,56	-5,55
Chi phí bán hàng	4.990	5.219	6.411	4.512	4.513	4,59	22,84	-29,62	0,02
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.808	10.049	8.570	13.191	12.853	2,46	-14,72	53,92	-2,56
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	20.829	19.550	19.052	15.887	14.744	-6,14	-2,55	-16,61	-7,19
TN khác	347	761	4.526	465	388	119,31	494,74	-89,73	-16,56
CP khác	24	348	4.156		20	1350	1094	-	100,00
Lợi nhuận khác	323	412	370	465	368	27,55	-10,19	25,68	-20,86
Tổng lợi nhuận trước thuế	21.152	19.963	19.423	16.352	15.112	-5,62	-2,71	-15,81	-7,58
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.017	4.374	3.766	3.270	3.022	-12,82	-13,90	-13,17	-7,58
Lợi nhuận sau thuế	16.135	15.489	15.657	13.081	12.089	-4	1,08	-16,45	-7,58

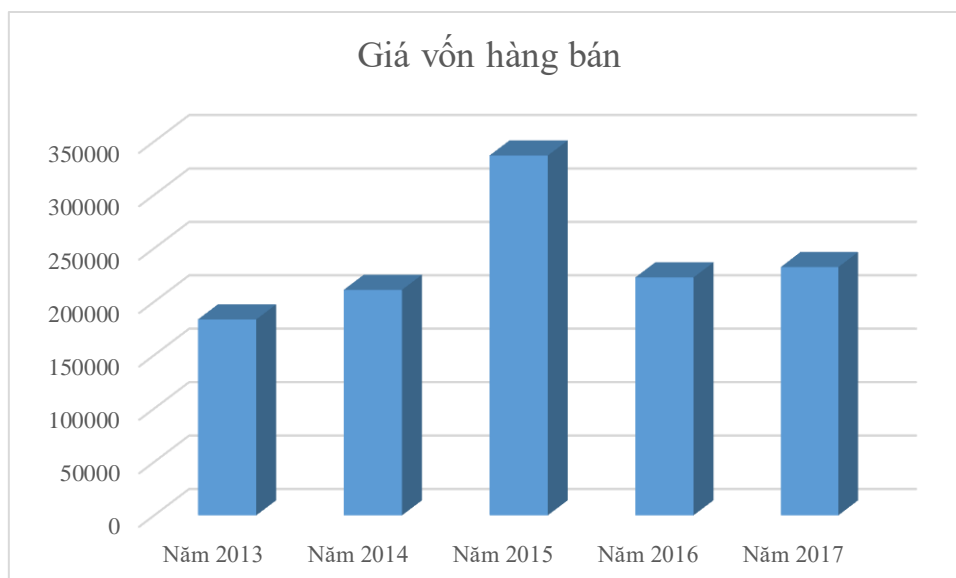
*(Nguồn: Báo cáo kết quả tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)*



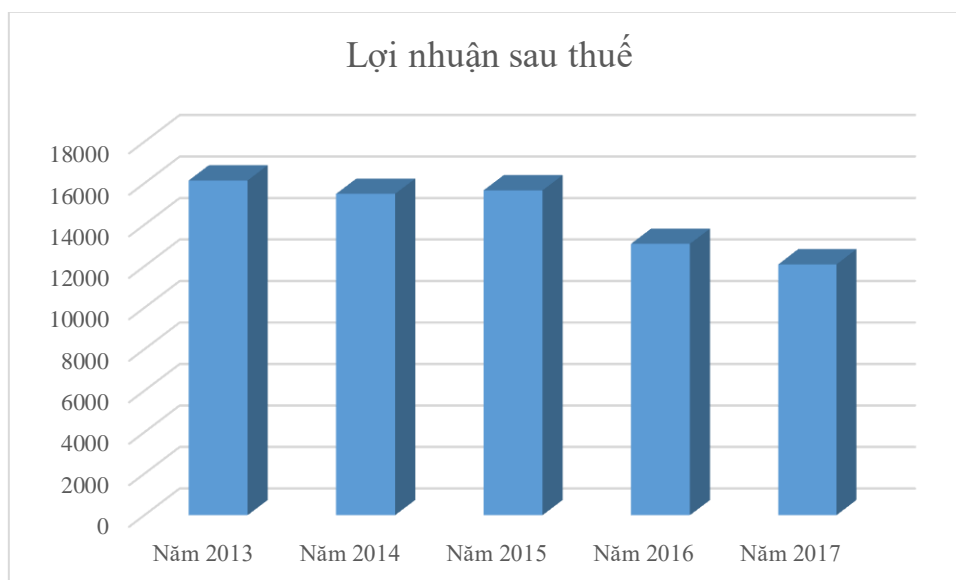
**Biểu đồ 2.1: Doanh thu của Công ty giai đoạn 2013-2017**



**Biểu đồ 2.2: Giá vốn của Công ty giai đoạn 2013-2017**



**Biểu đồ 2.3: Lợi nhuận của Công ty giai đoạn 2013-2017**



Nhìn vào báo cáo kết quả kinh doanh, biểu đồ doanh thu, giá vốn và lợi nhuận của công ty trong 5 năm gần đây, có thể đưa ra các nhận xét như sau:

- Doanh thu thuần của công ty biến động theo hướng tăng nhanh trong 3 năm từ 2013-2015. Chỉ tiêu này tăng cao nhất vào năm 2015 với số liệu 370 tỷ đồng tương ứng với tốc độ tăng 48,68%. Sau đó, doanh thu giảm mạnh xuống còn 258 tỷ đồng vào năm 2016 với mức giảm 30,16%. Nguyên nhân là do sản lượng quạt điện tiêu thụ giảm, mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt. Đến năm 2017 doanh thu bắt đầu có xu hướng tăng trở lại đạt 266 tỷ đồng và hiện nay doanh thu của công ty chủ yếu đến từ kinh doanh linh kiện quạt điện với các nhà máy sản xuất trong nước như Điện cơ Thống Nhất, Công ty Hà Nội Chinghai Electric works...

- Giá vốn của công ty chiếm tỷ trọng cao trong khoản mục chi phí và có cùng xu hướng biến động với doanh thu. Tuy nhiên mức độ thay đổi của giá vốn lại đáng kể hơn. Cụ thể, năm 2014 giá vốn tăng với tỷ lệ 15,08%, năm 2015 giá vốn tăng mạnh với mức 59,57%. Giá vốn tăng với mức độ cao hơn làm giảm đi hiệu quả sinh lời. Do đó, trong quá trình sản xuất quạt điện, công ty cần lưu ý đến việc quản lý chặt chẽ chi phí, giảm thiểu tối đa các sản phẩm

hông, sản phẩm lỗi. Khi doanh thu giảm vào năm 2016, giá vốn cũng giảm xuống còn 222 tỷ đồng và số liệu này tăng lên vào năm 2017 là 232 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp của công ty có xu hướng giảm dần là do giá vốn tăng cao hơn so với tốc độ tăng doanh thu. Năm 2013, mức lợi nhuận gộp đạt cao nhất là 40 tỷ đồng trong khi đó năm 2015 năm mà doanh thu đạt cao nhất thì chỉ tiêu lợi nhuận gộp lại thấp nhất chỉ là 33 tỷ đồng.

- Thu nhập từ hoạt động tài chính và hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng nguồn thu. Doanh thu từ hoạt động tài chính đến từ lãi tiền gửi chỉ riêng năm 2015 công ty có tiến hành đầu tư và thu được lợi nhuận. Năm 2015 khoản thu nhập khác của công ty cũng ở mức cao nhất từ việc thanh lý các thiết bị cũ.

- Các khoản chi phí ngày càng gia tăng đặc biệt là chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao trong 2 năm gần đây lên mức 12 tỷ đồng đến 13 tỷ đồng. Tiết kiệm chi phí mới gia tăng được hiệu quả kinh doanh do đó công ty cần lưu ý loại bỏ các chi phí không cần thiết.

## **2.2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG.**

### **2.2.1. Nguồn vốn của công ty**

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty là 94.992.000.000 đồng. Nguồn vốn của công ty tính đến hết 31/12/2017 là 199.831.610.472 đồng. Nguồn vốn này được hình thành từ các khoản nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Cơ cấu giữa vốn chủ sở hữu và vốn huy động cần phải hợp lý và hiệu quả để vừa đảm bảo an toàn về tài chính và phát huy được hiệu quả trong kinh doanh.

Với doanh nghiệp sản xuất, vốn thường bị ứ đọng trong nguyên vật liệu sản xuất, giá trị dở dang...dẫn đến việc có thể gặp phải rủi ro về vốn. Đồng thời, phải giảm chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất để đảm bảo hiệu quả. Việc phân tích cơ cấu tài sản và nguồn vốn sẽ đánh giá được tính hợp lý trong việc sử dụng vốn tại công ty từ đó có thể đưa ra các biện pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

**Bảng 2.2: Bảng phân tích cơ cấu tài sản giai đoạn 2013-2017****Đvt: triệu đồng**

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		14/13		15/14		16/15		17/16	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
A. Tài sản ngắn hạn	97.723	63,56	100.690	64,92	96.946	53,38	119.269	57,04	117.083	58,59	2.967	3,04	-3.744	-3,72	22.323	23,03	-2.186	1,8
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	865	0,89	4.090	4,06	2.933	3,03	5.169	4,33	3.511	3	3.225	372,83	-1.157	-28,29	2.236	76,24	-1.658	32
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	13.384	13,70	15.878	15,77	11.974	12,35	14.075	11,80	10.526	8,99	2.494	18,63	-3.904	-24,59	2.101	17,55	-3.549	25
III. Hàng tồn kho	82.459	84,38	80.092	79,54	78.360	80,83	99.217	83,19	102.615	87,64	-2.367	-2,87	-1.732	-2,16	20.857	26,62	3.398	3,42
IV. TS ngắn hạn khác	1.013	1,04	627	0,62	3.678	3,65	807	0,80	430	0,43	-386	-38,10	3.051	486,60	-2.871	-78,1	-377	47
B. Tài sản dài hạn	56.016	36,44	54.420	35,08	84.662	46,62	89.843	42,96	82.747	41,41	-1.596	-2,85	30.242	55,57	5.181	6,12	-7.096	7,9
I. Tài sản cố định	44.963	80,27	43.818	80,52	84.662	100	89.843	100	82.747	100	-1.145	-2,55	40.844	93,21	5.181	6,12	-7.096	7,9
II. Tài sản dài hạn khác	11.053	19,73	10.602	19,48							-451	-4,08	-10602	-100				
Tổng tài sản	153.739	100	155.110	100	181.608	100	209.112	100	199.830	100	1.371	0,89	26.498	17,08	27.504	15,14	-9.282	-4,4

*(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)*

Theo bảng phân tích cơ cấu tài sản, tỷ trọng tài sản lưu động thường chiếm trên 50% tổng tài sản lớn hơn một chút so với tài sản cố định. Cơ cấu này được xem là phù hợp với doanh nghiệp sản xuất vì luôn cần vốn trong ngắn hạn để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Từ năm 2013 đến năm 2016, tổng tài sản của doanh nghiệp tăng dần. Cụ thể, năm 2013 tổng tài sản của công ty là 153,7 tỷ đồng đến năm 2014 chỉ tiêu này tăng 0,89%, năm 2015 tốc độ tăng ở mức cao là 17,08% và năm 2016, chỉ tiêu tổng tài sản là 209,1 tỷ đồng tương ứng mức tăng 15,14%. Tuy nhiên đến năm 2017, tổng tài sản lại giảm xuống còn 199,3 tỷ đồng chủ yếu là do giảm tài sản dài hạn.

Trong cơ cấu tài sản lưu động thì các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn nhất. Các khoản nợ đọng của khách hàng nhiều nhất là vào năm 2014 với số tiền là 15,8 tỷ đồng và thấp nhất là năm 2017 là 10,5 tỷ đồng. Như vậy, khoản phải thu của khách hàng đã có chiều hướng giảm, doanh nghiệp bớt được các khoản vốn bị chiếm dụng. Ngược lại, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng trên 80% tài sản lưu động lại có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây. Năm 2016, hàng tồn kho ở mức 99,2 tỷ tăng so với năm 2015 là 26,62% và năm 2017, con số này đã là 102,6 tỷ đồng tương đương với mức tăng là 3,4%. Việc tồn kho quá nhiều như vậy sẽ dẫn đến vốn bị ứ đọng giảm đi hiệu quả sử dụng. Hàng tồn kho nhiều là do khả năng tiêu thụ của công ty giảm sút thể hiện ở số liệu của doanh thu trong những năm gần đây. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, ngoài sức ép cạnh tranh từ các công ty sản xuất quạt điện trong nước như thương hiệu Vinawind, Hà Nội Chinghai, Công ty TNHH MTV Quang điện-Điện tử... còn có tác động rất lớn của các loại quạt điện nhập khẩu từ nước ngoài, do đó việc áp dụng các biện pháp để đẩy mạnh tiêu thụ đối với công ty điện cơ Hải Phòng là rất cần thiết.

Tài sản dài hạn của công ty tập trung ở 2 khoản mục là tài sản cố định và tài sản dài hạn khác, trong đó tài sản cố định chiếm tỷ lệ cao nhất. Hiện nay,

tài sản cố định của công ty là 2 nhà máy sản xuất quạt điện tại số 734 Nguyễn Văn Linh, Hải Phòng và khu công nghiệp Quán Trữ, Hải Phòng và các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất quạt điện dân dụng và quạt điện công nghiệp. Tỷ lệ cơ cấu tài sản dài hạn trong tổng tài sản qua các năm từ năm 2013 đến năm 2017 lần lượt là 36,44%, 35,08%, 46,62%, 42,96% và 41,41%. Như vậy, cơ cấu tài sản của doanh nghiệp có sự phù hợp giữa tài sản lưu động và tài sản cố định .

**Bảng 2.2: Bảng phân tích cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2013-2017**

**Đvt: triệu đồng**

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		14/13		15/14		16/15		17/16	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
A. Nợ phải trả	44.999	29,27	34.218	22,06	39.133	21,55	63.686	30,46	47.645	23,84	-10.781	-23,96	4.915	14,36	24.553	62,74	-16.041	-25
I. Nợ ngắn hạn	44.999	100	33.828	98,86	36.137	92,34	51.650	81,1	41.880	87,9	-11.171	-24,82	2.309	6,82	15.513	42,93	-9.770	-19
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	30.916	68,7	20.215	59,08	23.634	60,39	36.980	58,07	28.228	59,25	-10.701	-34,61	3.419	16,91	13.346	56,47	-8.752	-24
2. Phải trả người bán	7.703	17,12	7.326	21,41	5.243	13,4	7.082	11,12	6.925	14,53	-377	-4,89	-2.083	-28,43	-19.427	-73,3	-157	-2,2
3. Người mua trả tiền trước	337	0,75	269	0,79	406	0,34	1.331	2,09	980	2,06	-68	-20,18	137	50,93	925	35,08	-351	-26
4. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	3.033	6,74	2.446	7,15	1.556	1,30	983	1,54	722	1,52	-587	-19,35	-890	-36,39	-573	-36,8	-261	-27
5. Phải trả người lao động	2.201	4,89	2.705	7,91	3.119	2,61	2.869	4,50	2.673	5,61	504	22,9	414	15,30	-250	-8,02	-196	-6,8
6. Chi phí phải trả	103	0,23	190	0,56	458	0,38	238	0,37	155	0,33	87	84,47	268	141,05	-220	-48	-83	-35
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	270	0,6	9	0,03	26	0,066	68	0,11	9	0,02	-261	-96,67	17	188,89	42	161,5	-59	-87
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	432	0,96	665	1,94	1.186	0,99	2.097	3,29	2.184	4,58	233	53,94	521	78,35	911	76,81	87	4,15
II. Nợ dài hạn			389	1,14	2.995	2,51	12.035	18,9	5.764	12,1	389		2.606	669,92	9.040	301,8	-6.271	-52



1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			389	1,14	2.995	2,51	12.035	18,9	5.764	12,1	389		2.606	669,92	9.040	301,8	-6.271	-52
B. Vốn chủ sở hữu	108.740	70,73	120.892	77,94	142.476	78,45	145.426	69,54	152.185	76,16	12.152	11,18	21.584	17,85	2.950	2,07	6.759	4,65
I. Vốn chủ sở hữu	108.740	100	120.892	100	142.476	100	145.426	100	152.185	100	12.152	11,18	21.584	17,85	2.950	2,07	6.759	4,65
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	94.222	86,65	94.222	77,94	94.222	66,32	94.222	64,79	94.222	61,91								
2. Quỹ đầu tư phát triển	646	0,59	843	0,70	4.373	3,07	5.690	3,91	6.938	4,56	197	30,5	3.530	418,74	1.317	30,12	1.248	21,9
3. Quỹ dự phòng tài chính	1.020	0,94	1.010	0,84							-10	-0,98	-1.010	-100				
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.852	11,82	24.907	20,6	43.180	30,1	44.813	30,81	50.325	33,07	12.055	93,8	18.273	73,11	1.696	3,78	5.512	12,3
Tổng nguồn vốn	153.739	100	155.110	100	181.608	100	209.112	100	199.830	100	1.371	0,89	26.498	17,08	27.504	15,14	-9.282	-4,4

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)

Dựa vào bảng phân tích nguồn vốn trong 5 năm từ năm 2013 đến năm 2017, nguồn vốn của công ty chủ yếu thể hiện xu hướng tăng. Năm 2013, tổng nguồn vốn là 153,7 tỷ đồng, năm 2014 nguồn vốn tăng nhẹ lên 155,1 tỷ, năm 2015 tốc độ tăng khá nhanh ở mức 17,08% tương ứng với số tiền tăng thêm là 26,49 tỷ đồng, năm 2016 chỉ tiêu này tiếp tục tăng đến 209,1 tỷ đồng tương ứng với mức tăng 15,14%. Nhưng đến năm 2017, nguồn vốn giảm sút xuống còn 199,8 tỷ đồng giảm với mức 4,4%.

Nguyên nhân tăng, giảm nguồn vốn ở trên là do biến động của các khoản nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công ty, cụ thể:

Nợ phải trả của công ty tính đến cuối năm 2017 là 47,6 tỷ đồng đã giảm xuống so với năm 2016 là 25%. Năm 2016 chỉ tiêu đã tăng mạnh từ 39,1 tỷ đồng năm 2015 lên mức 63,6 tỷ đồng. Năm 2016, các khoản nợ phải trả của công ty là lớn nhất trong vòng 5 năm gần đây, nợ phải trả chiếm 30,06% nguồn vốn. Số liệu năm 2015 đã tăng so với năm 2014 là 14,36%. Năm 2013 nợ phải trả ở mức 44,99 tỷ đồng. Nhìn chung, tỷ trọng của nợ phải trả trong nguồn vốn ở mức từ 20% đến 30%. Nợ phải trả chiếm tỷ lệ nhỏ hơn trong tổng nguồn vốn đảm bảo được an toàn về tài chính cho công ty. Công ty được tự chủ không phụ thuộc vào các chủ nợ.

Việc gia tăng nhanh chóng các khoản nợ phải trả của năm 2016 chủ yếu đến từ các khoản vay và nợ ngắn hạn và khoản phải trả người bán. So với nợ dài hạn, các khoản nợ ngắn hạn tăng lên có chi phí sử dụng vốn thấp hơn nhưng lại tạo ra áp lực trong thanh toán cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, mức tăng này vẫn đảm bảo ở mức an toàn về tài chính.

Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ từ 70% -80% trong tổng nguồn vốn. Nguồn vốn chủ sở hữu thể hiện xu hướng tăng trong suốt giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017. Năm 2013, vốn chủ sở hữu là 108,7 tỷ đồng đến năm 2014 vốn chủ sở hữu tăng lên ở mức 120,4 tỷ đồng. Năm 2015 con số này là

142,9 tỷ và tiếp tục tăng vào năm 2016 đạt 145 tỷ đồng, cho đến năm 2017 vốn chủ sở hữu của công ty là 152 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu tăng lên là nhờ sự gia tăng liên tục của chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế. Điều đó chứng tỏ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt được hiệu quả tốt. Chỉ tiêu này luôn tăng lên qua các năm từ 2014 đến 2017 với tỷ lệ lần lượt là 93,8%, 73,11%, 3,8% và 12,3%.

## 2.2.2. Tình hình quản lý và sử dụng vốn của Công ty

### 2.2.2.1 Quản lý và sử dụng vốn lưu động

**Bảng 2.3: Cơ cấu vốn đầu tư vào tài sản lưu động**

**Đvt: triệu đồng**

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	865	0,89	4.090	4,06	2.933	3,03	5.169	4,33	3.511	3,00
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	13.384	13,70	15.878	15,77	11.974	12,35	14.075	11,80	10.526	8,99
III. Hàng tồn kho	82.459	84,38	80.092	79,54	78.360	80,83	99.217	83,19	102.615	87,64
IV. TS ngắn hạn khác	1.013	1,04	627	0,62	3.678	3,65	807	0,80	430	0,43
Tài sản ngắn hạn	97.723	100	100.690	100	96.946	100	119.269	100	117.083	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)

Dựa vào bảng phân tích cơ cấu vốn đầu tư vào tài sản lưu động của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng, vốn bằng tiền năm 2013 là 865 triệu đồng chiếm tỷ trọng 0,89%, năm 2014 tăng lên là 4,09 tỷ đồng chiếm 4,06%, năm 2015 chỉ tiêu này chiếm 3,03% tương ứng với 2,93 tỷ đồng, đến năm 2016 chỉ tiêu này ở mức 5,16 tỷ đồng tương đương 4,33% và năm 2017 là 3,5 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 3%. Như vậy, chỉ tiêu này mặc dù có sự biến động nhưng luôn ở ngưỡng hợp

lý đảm bảo được các hoạt động chi thường xuyên phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

Trong suốt giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017 công ty chỉ tiến hành đầu tư cho ngành nghề sản xuất kinh doanh quạt điện, linh kiện lắp ráp quạt điện không tiến hành đầu tư chứng khoán, đầu tư ngắn hạn.

Các khoản phải thu ngắn hạn tăng lên vào năm 2014 và năm 2016 và giảm vào các năm 2015, 2017. Năm 2013 các khoản phải thu ngắn hạn là 13,38 tỷ đồng, năm 2014 là 15,87 tỷ đồng, năm 2015 là 11,97 tỷ đồng, năm 2016 là 14,07 tỷ đồng và năm 2017 chỉ tiêu này là 10,52 tỷ đồng. Mức tỷ trọng của các khoản phải thu ngắn hạn trong tổng tài sản ngắn hạn từ năm 2013 đến năm 2017 lần lượt là 13,7%, 15,77%, 12,35%, 11,8% và 8,99%. Khoản phải thu chính là phần vốn của công ty bị chiếm dụng, công ty nên lưu ý quản lý chặt chẽ với khoản mục này.

Hàng tồn kho là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tài sản ngắn hạn. Năm 2013, hàng tồn kho ở mức 82,5 tỷ đồng chiếm 84,38%, năm 2014 hàng tồn kho giảm còn 80,09 tỷ đồng tương đương 79,54%, năm 2015, chỉ tiêu này tiếp tục giảm xuống đến mức 78,36% nhưng tỷ trọng lại tăng lên là 80,83%, năm 2016 là 14,07 tỷ đồng tương đương 83,19% và năm 2017 số liệu về hàng tồn kho là 102,6 tỷ đồng ứng với 87,6%. Như vậy, hàng tồn kho của công ty luôn chiếm từ gần 80% đến xấp xỉ 90% và số liệu này luôn ở mức cao. Điều này là do thị trường quạt điện hiện nay đã bão hòa. Do vậy, công ty cần chú ý đến việc dự trữ một lượng hàng tồn kho vừa đủ đáp ứng nhu cầu thị trường để tránh để vốn bị ứ đọng, giảm hiệu quả sinh lời của đồng vốn.

Các tài sản ngắn hạn khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu tài sản lưu động, lần lượt là 1,04% năm 2013, 0,62% năm 2014, 3,65% năm 2015, 0,8% năm 2016 và 0,43% năm 2017.

### 2.2.2.2 Quản lý và sử dụng vốn cố định

**Bảng 2.4: Cơ cấu vốn đầu tư vào tài sản dài hạn**

**Đvt: triệu đồng**

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%
I. Tài sản cố định	44.963	80,27	43.818	80,52	84.662	100	89.843	100	82.747	100
II. Tài sản dài hạn khác	11.053	19,73	10.602	19,48						
Tài sản dài hạn	56.016	100	54.420	100	84.662	100	89.843	100	82.747	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)

Căn cứ vào bảng phân tích cơ cấu vốn đầu tư vào tài sản dài hạn, tài sản cố định chiếm trọng rất lớn. Năm 2013, tài sản cố định của công ty là 44,9 tỷ đồng chiếm 80,27%, năm 2014 số vốn công ty đầu tư vào tài sản cố định là 43,8 tỷ đồng tương ứng với 80,52%, năm 2015 tài sản cố định tăng nhanh đạt 84,6 tỷ đồng, năm 2016 tiếp tục tăng lên là 89,83 tỷ đồng và năm 2017 là 82,7 tỷ đồng. Từ năm 2015 đến năm 2017, cơ cấu tài sản dài hạn chỉ bao gồm tài sản cố định. Số liệu trên cho thấy công ty đầu tư một lượng vốn rất lớn vào tài sản cố định.

Tài sản cố định ban đầu của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng nhà máy sản xuất trên tuyến đường Nguyễn Văn Linh - Hải Phòng, các máy móc thiết bị dùng trong quá trình tạo phôi, cắt gọt và ép nhựa. Năm 2015, công ty đã mở rộng sản xuất xây dựng thêm một nhà xưởng sản xuất tại khu công nghiệp Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng, do đó nguyên giá tài sản cố định trong năm tăng lên rất đáng kể. Đến năm 2016, công ty đầu tư thêm một tòa nhà văn phòng ở đường Đinh Tiên Hoàng – Hải Phòng với trị giá hơn 6 tỷ đồng. Năm 2017, tài sản cố định giảm xuống là do công ty thanh lý những máy móc, thiết

bị cũ đã bị hư hỏng không sử dụng được như máy tạo phôi GX 350 đưa vào sử dụng từ năm 2002, máy ép hạt nhựa JZ160 đưa vào sử dụng từ năm 2005...

Năm 2013 và 2014, ngoài tài sản cố định thì tài sản cố định của công ty còn bao gồm các tài sản dài hạn khác. Chỉ tiêu này chủ yếu là các chi phí trả trước dài hạn dùng vào sản xuất kinh doanh của công ty.

Qua bảng trên cũng cho thấy công ty không có các khoản phải thu dài hạn từ năm 2013 đến năm 2017 điều đó cho thấy các khoản nợ của công ty không kéo dài quá 12 tháng, vốn của công ty không bị chiếm dụng dài hạn.

### ***2.2.3. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn của công ty***

#### ***2.2.3.1. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động***

Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động giúp công ty đảm bảo an toàn về tài chính, huy động được các nguồn tài trợ và hạn chế được rủi ro trong kinh doanh.

Để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng, cần xem xét một số chỉ tiêu như trong bảng số liệu sau:

**Bảng 2.5: Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng**

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	2013	2014	2015	2016	2017	14/13		15/14		16/15		17/16	
								+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
1	Doanh thu thuần	triệu đ	225.373	251.288	370.623	258.611	267.109	25.915	11,50	119.335	47,49	112.012	-30,22	8.498	3,29
2	Lợi nhuận sau thuế	triệu đ	16.135	15.489	15.657	13.081	12.089	-646	-4,00	168	1,08	-2.576	-16,45	-992	-7,58
3	Vốn lưu động bình quân trong kỳ	triệu đ	96.985	99.207	98.818	108.108	118.176	2.221	2,29	-388	-0,39	9.289	9,40	10.068	9,31
4	Số lần luân chuyển VLĐ (1/3)	lần	2,32	2,53	3,75	2,39	2,26	0,21	9,00	1,22	48,07	-1,36	-36,22	-0,13	-5,51
5	Kỳ luân chuyển VLĐ (3*360/1)	Ngày	154,92	142,13	95,99	150,49	159,27	-12,79	-8,26	-46,14	-32,46	54,51	56,79	8,78	5,84
6	Mức đảm nhiệm VLĐ (3/1)	lần	0,43	0,39	0,27	0,42	0,44	-0,04	-8,26	-0,13	-32,46	0,15	56,79	0,024	5,84
7	Sức sinh lời VLĐ (2/3)	lần	0,17	0,16	0,16	0,12	0,10	-0,01	-6,15	0,002	1,48	-0,04	-23,63	-0,02	-15,46

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)

Dựa trên số liệu phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng trong giai đoạn từ 2013-2017, chỉ tiêu số lần luân chuyển vốn lưu động tăng lên vào năm 2014 và năm 2015 với số liệu lần lượt là 2,53 lần và 3,75 lần và giảm xuống vào 2 năm 2016 và năm 2017 xuống còn 2,39 lần và 2,26 lần. Điều này cho thấy hiệu quả sử dụng vốn lưu động đạt cao nhất vào năm 2015 và giảm vào 2 năm sau đó. Năm 2015, số vòng quay vốn lưu động tăng mạnh so với năm 2014 là 48,07%, tuy nhiên lại giảm nhanh vào năm 2016 là 36,22%.

Kỳ luân chuyển vốn lưu động trong các năm lần lượt là 154 ngày năm 2013, 142 ngày năm 2014, 95 ngày năm 2015, 150 ngày năm 2016 và năm 2017 là 159 ngày. Như vậy, sau năm 2015 thì kỳ luân chuyển vốn đang kéo dài hơn do vậy công ty cần lưu ý đến việc quản lý chặt chẽ, tránh lãng phí vốn lưu động.

Mức độ đảm nhận vốn lưu động cũng có sự biến động với xu hướng giảm trong 3 năm đầu của giai đoạn và tăng trở lại trong vòng 2 năm gần đây. Năm 2013, để tạo ra 1 đồng doanh thu cần bỏ ra 0,43 đồng vốn lưu động. Năm 2014, để có được 1 đồng doanh thu cần 0,39 đồng vốn lưu động, năm 2015 chỉ cần 0,27 đồng vốn, năm 2016 là 0,42 đồng và năm 2017 là 0,44 đồng. Hệ số đảm nhận này cho thấy hiệu quả sử dụng vốn lưu động đang giảm xuống.

Với chỉ tiêu sức sinh lời vốn lưu động, số liệu lại thể hiện xu hướng giảm dần. Năm 2013, 1 đồng vốn lưu động tạo ra 0,17 đồng lợi nhuận. Năm 2014 và năm 2015 lợi nhuận được tạo ra từ 1 đồng vốn lưu động là 0,16 đồng. Năm 2016 và năm 2017 sức sinh lời giảm chỉ còn 0,12 đồng và 0,1 đồng cho thấy hiệu quả khai thác vốn lưu động giảm.

Để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động, cần đánh giá chi tiết hiệu quả sử dụng đối với từng bộ phận của vốn lưu động mà trước hết chính là khoản mục về tiền và các khoản tương đương với tiền đồng thời xem xét về khả năng thanh toán với số liệu phân tích trong các bảng sau đây:



**Bảng 2.6: Thực trạng tiền và các khoản tương đương tiền của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng**

Chi tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		14/13		15/14		16/15		17/16	
	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	Số tiền	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
Tiền và các khoản tương đương tiền	865	0,89	4.090	4,06	2.933	3,03	5.169	4,33	3.511	3,00	3.225	372,8	-1.157	-28,29	2.236	76,24	1.658	-32

**Bảng 2.7: Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng**

STT	Chi tiêu	ĐV tính	2013	2014	2015	2016	2017	14/13		15/14		16/15		17/16	
								+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
1	Hàng tồn kho	triệu đ	82.459	80.092	78.360	99.217	102.615	-2.367	-2,87	-1.732	-2,16	20.857	26,62	3.398	3,42
2	Tổng tài sản	triệu đ	153.739	155.110	181.608	209.112	199.830	1.371	0,89	26.498	17,08	27.504	15,14	-9.282	-4,44
3	Nợ phải trả	triệu đ	44.999	34.218	39.133	63.686	47.645	-10.781	-23,96	4.915	14,36	24.553	62,74	-16.041	-25,19
4	Tài sản ngắn hạn	triệu đ	97.723	100.690	96.946	119.269	117.083	2.967	3,04	-3.744	-3,72	22.323	23,03	-2.186	-1,83
5	Nợ ngắn hạn	triệu đ	44.999	33.828	36.137	51.650	41.880	-11.171	-24,82	2.309	6,83	15.513	42,93	-9.770	-18,92
6	Hệ số thanh toán tổng quát (2/3)	lần	3,42	4,53	4,64	3,28	4,19	1,17	32,68	0,11	2,38	-1,36	-29,25	0,91	27,73
7	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn (5/4)	lần	2,17	2,98	2,68	2,31	2,80	0,8	37,06	-0,29	-9,87	-0,37	-13,92	0,49	21,07
8	Hệ số thanh toán nhanh (5-1/4)	lần	0,34	0,61	0,51	0,39	0,35	0,27	79,51	-0,09	-15,53	-0,13	-24,52	-0,04	-11,02

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)

Chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương với tiền luôn chiếm tỷ trọng thấp trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017 với tỷ lệ lần lượt là 0,89%, 4,06%, 3,03%, 4,33%, 3%. Mức dự trữ tiền mặt này tại công ty được xem là hợp lý khi tiền mặt cần phải được đảm bảo luân chuyển tránh để tiền nhàn rỗi, giảm hiệu quả của đồng vốn.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của công ty không phát sinh trong giai đoạn này chứng tỏ công ty quản lý vốn một cách hiệu quả, không có các khoản tiền nhàn rỗi để tiến hành đầu tư.

Việc đánh giá việc sử dụng vốn lưu động có hiệu quả hay không còn được thực hiện thông qua nhận định các chỉ tiêu về khả năng thanh toán bao gồm khả năng thanh toán tổng quát, khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh.

Qua bảng phân tích các chỉ tiêu khả năng thanh toán, có thể nhận thấy rằng công ty đang có khả năng thanh toán tốt, không gặp rủi ro trong thanh khoản. Cụ thể:

Hệ số thanh toán tổng quát năm 2013 là 3,42, năm 2014 là 4,53, năm 2015 là 4,64 và năm 2016 là 3,28 và năm 2017 là 4,19. Chỉ tiêu này qua các năm đều ở mức cao chứng tỏ khả năng tài chính của công ty rất mạnh, các khoản vay của công ty đều có tài sản đảm bảo.

Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của công ty trong 5 năm gần đây đều có giá trị lớn hơn 2 lần chứng tỏ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn luôn được đảm bảo. Các khoản nợ ngắn hạn được đảm bảo bằng tài sản ngắn hạn, công ty không gặp rủi ro với các khoản vay, khoản nợ ngắn hạn.

Hệ số thanh toán nhanh xem xét về khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty bằng các tài sản lưu động có tính thanh khoản cao, dễ chuyển đổi thành tiền. Hệ số này có giá trị từ 0,34 đến 0,51 chứng tỏ lượng

hàng tồn kho khá lớn, vốn ngắn hạn bị ứ đọng nhưng khả năng thanh toán nhanh vẫn được đảm bảo trong mức an toàn.

Trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp thường có một phần vốn tồn đọng trong quá trình thanh toán được gọi là các khoản phải thu. Thông thường, các khoản phải thu chiếm tỷ lệ từ 15% - 20% tài sản của doanh nghiệp. Các khoản phải thu của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng tính đến ngày 31/12/2017 là 10,5 tỷ đồng chiếm 8,99% tổng tài sản. Như vậy, tỷ trọng phải thu trong tổng tài sản của công ty ở mức phù hợp. Cụ thể, thực trạng các khoản phải thu của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017 được thể hiện theo số liệu trong bảng 2.8 dưới đây.

**Bảng 2.8: Thực trạng các khoản phải thu của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng**

**Đvt: triệu đồng**

STT'	Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	14/13		15/14		16/15		17/16	
							+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	13.384	15.821	11.974	14.075	10.526	2.437	18,21	-3.847	-24,32	2.101	17,55	-3.549	-25,21
1	Phải thu khách hàng	13.758	15.896	10.461	9.167	10.178	2.138	15,54	-5.435	-34,19	1.294	-12,37	1.011	11,03
2	Trả trước cho người bán	200	468	1.955	5.347	807	268	134	1.487	317,74	3.392	173,50	-4.540	-84,91
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	83	113	191	192	174	30	36,14	78	69,03	1	0,52	-18	-9,38
4	Dự phòng phải thu khó đòi	-657	-657	-633	-633	-633			24	-3,65				
II	Các khoản phải thu dài hạn													
	Tổng các khoản phải thu	13.384	15.821	11.974	14.075	10.526	2.437	18,21	-3.847	-24,32	2.101	17,55	-3.549	-25,21

*(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)*

Các khoản phải thu ngắn hạn của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng thể hiện biến động tăng giảm giữa các năm từ năm 2013 đến năm 2017. Giá trị khoản phải thu ngắn hạn năm 2013 là 13,38 tỷ đồng, năm 2014 tăng lên đến 15,82 tỷ đồng, năm 2015 chỉ tiêu này giảm xuống mức 11,97 tỷ đồng, đến năm 2016 lại tăng lên 14,07 tỷ đồng và năm 2017 các khoản phải thu được kiểm soát chặt chẽ hơn số liệu là 10,5 tỷ đồng. Điều này cho thấy công ty không bị chiếm dụng vốn nhiều nhưng khoản phải thu là nguồn vốn của doanh nghiệp do đó để sử dụng vốn hiệu quả thì công ty nên quản lý chặt chẽ hơn nữa.

Trong các khoản phải thu ngắn hạn thì phải thu khách hàng là khoản mục lớn nhất. Việc thực hiện chính sách tín dụng bán hàng với các nhà phân phối và các khách hàng tiềm năng có thể tạo ra rủi ro cho doanh nghiệp từ việc mất khả năng trả nợ của đối tác. Doanh nghiệp cần chú ý đến các khoản nợ phải thu khó đòi để tránh việc bị mất vốn. Hiện nay, công ty áp dụng chính sách thanh toán linh hoạt nên rủi ro tín dụng cũng được giảm thiểu. Mặc dù, khoản phải thu khó đòi mà công ty đã trích lập dự phòng ở mức thấp chỉ khoảng hơn 600 triệu đồng nhưng cũng ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn.

Khoản trả trước của công ty cho người bán ở mức thấp dưới 1 tỷ đồng, chỉ có năm 2015 là 1,9 tỷ đồng và năm 2016 là 5,3 tỷ đồng. Khoản trả trước cho người bán trong giao dịch với mức độ phù hợp do đó không ảnh hưởng nhiều đến nguồn vốn của doanh nghiệp.

Tại công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng, không có các phải thu dài hạn như vậy đảm bảo cho việc doanh nghiệp không bị chiếm dụng vốn lâu dài tạo ra áp lực về vốn.

**Bảng 2.9: Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đối với các khoản phải thu tại công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng**

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	2013	2014	2015	2016	2017
1	Doanh thu thuần	triệu đ	225.373	251.288	370.623	258.611	267.109
2	Các khoản phải thu bình quân	triệu đ	10.728	14.603	13.898	13.025	12.301
3	Tổng tài sản bình quân	triệu đ	154.506	308.849	336.718	390.720	408.942
4	Vòng quay các khoản phải thu (1/2)	lần	21,01	17,21	26,67	19,86	21,72
5	Kỳ thu tiền bình quân (360 ngày/4)	ngày	17,14	20,92	13,50	18,13	16,58
6	Hệ số các khoản phải thu (2/3)	lần	0,069	0,047	0,041	0,033	0,030

*(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)*

Vòng quay các khoản phải thu cho thấy khả năng thu hồi nợ của doanh nghiệp. Số vòng quay các khoản phải thu ở mức cao năm 2013 là 21,01, năm 2014 là 17,21, năm 2015 là 26,67, năm 2016 là 19,86 và năm 2017 là 21,72. Tốc độ chuyển đổi thành tiền của khoản phải thu là nhanh cho thấy công tác thu hồi nợ của công ty được đảm bảo tốt.

Kỳ thu tiền bình quân là chỉ tiêu tỷ lệ nghịch với vòng quay các khoản phải thu. Số ngày thu tiền bình quân trong các kỳ phân tích ở mức thấp. Số ngày thu hồi nợ bình quân chỉ từ 14 ngày đến 21 ngày. Kỳ thu tiền ngắn chứng tỏ khả năng quản lý và thu hồi công nợ tốt của công ty.

**Bảng 2.10: Thực trạng hàng tồn kho và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đối với hàng tồn kho của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng**

STT	Chỉ tiêu	ĐV tính	2013	2014	2015	2016	2017
1	Hàng tồn kho	triệu đ	82.459	80.092	78.360	99.217	102.615
2	Tài sản ngắn hạn	triệu đ	97.723	100.690	96.946	11.269	117.083
3	Tỷ trọng hàng tồn kho (1/2)	%	84	80	81	83	88
4	Giá vốn hàng bán	triệu đ	183.409	211.073	336.817	222.659	232.420
5	Hàng tồn kho bình quân	triệu đ	78.652	81.276	79.226	88.789	100.916
6	Vòng quay hàng tồn kho (4/5)	Lần	2,33	2,60	4,25	2,51	2,30
7	Số ngày tồn kho (360/6)	Ngày	154,38	138,62	84,68	143,56	156,31

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)

Hàng tồn kho của công ty gồm có các loại nguyên vật liệu để sản xuất quạt điện, các sản phẩm dở dang trên dây chuyền sản xuất, các loại thành phẩm gồm quạt điện công nghiệp, quạt điện dân dụng, linh kiện để sản xuất quạt điện, các loại quạt nhập khẩu từ thương hiệu Mitsubishi.

Tỷ trọng của hàng tồn kho là rất đáng kể trong tài sản lưu động. Năm 2013 tỷ lệ là 84%, năm 2014 là 80%, năm 2015 là 81%, năm 2016 là 81%, năm 2016 là 83% và năm 2017 là 88%. Bên cạnh đó số vòng quay của hàng tồn kho ở mức thấp, số ngày tồn kho kéo dài làm giảm hiệu quả sử dụng vốn của công ty. Điều này là do sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty sản xuất quạt điện và các thương hiệu quạt nước ngoài, số lượng quạt tiêu thụ giảm sút, lượng hàng tồn kho nhiều.

Hiện nay, nguồn nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm của công ty điện cơ Hải Phòng một phần được nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, giá cả nguyên vật liệu bị tác động bởi những biến động về tỷ giá và gây tác động tăng chi phí

sản xuất của công ty. Đây là rủi ro khách quan và công ty cũng sẽ điều chỉnh giá đầu vào cũng như điều chỉnh giá bán. Để giảm thiểu ảnh hưởng của loại rủi ro này, công ty phải theo sát chính sách quản lý tiền tệ của Nhà nước, thường xuyên tiến hành công tác dự báo biến động giá cả của nguyên vật liệu, tiến hành lựa chọn nhà cung cấp có uy tín, có nguồn hàng ổn định và hợp tác lâu dài để từ đó chủ động nhập khẩu vào thời điểm thích hợp nhằm đảm bảo sự ổn định của giá nguyên vật liệu.

### 2.2.3.2. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn cố định

Với doanh nghiệp sản xuất, vốn cố định đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra doanh thu, là bộ phận không thể thiếu của vốn kinh doanh, quyết định đến quy mô trang bị tài sản cố định và thông qua đó tác động trực tiếp đến năng lực sản xuất.

**Bảng 2.11: Thực trạng tài sản cố định của Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng**

**Đvt: triệu đồng**

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	14/13 (%)	15/14 (%)	16/15 (%)	17/16 (%)
1. Tài sản cố định hữu hình	44.963	43.728	84.596	78.907	72.054	-0,03	0,93	-0,07	-0,09
Nguyên giá	69.688	73.317	95.495	98.630	100.242	0,05	0,30	0,03	0,02
Giá trị hao mòn lũy kế	(24.835)	(29.589)	(10.888)	(19.723)	(28.187)	0,19	-0,63	0,81	0,43
2. Tài sản cố định vô hình	114	90	66	10.935	10.692	-0,21	-0,27	164,68	-0,02
Nguyên giá	120	120	120	11.068	11.068	0	0	91,23	0
Giá trị hao mòn lũy kế	(6)	(30)	(54)	(133)	(376)	4,00	0,80	1,46	1,83



*(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)*

Thông qua việc phân tích số liệu về tài sản cố định có thể nhận thấy tài sản cố định của công ty biến động mạnh trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017. Năm 2013 số liệu về tài sản cố định hữu hình của công ty là 44,9 tỷ đồng, năm 2014 chỉ tiêu này giảm xuống một chút còn 43,7 tỷ đồng. Đến năm 2015, tài sản cố định hữu hình tăng nhanh lên mức 84,59 tỷ đồng là do trong năm, công ty đầu tư mở rộng thêm một nhà máy sản xuất tại Kiến An - Hải Phòng. Sau đó, năm 2016 và năm 2017 công ty tiến hành thanh lý các tài sản cố định hữu hình đã cũ, đã khấu hao hết như máy ép hạt nhựa JZ160, máy tạo phôi GX350 nên số liệu thể hiện xu hướng giảm xuống.

Với tài sản cố định vô hình, từ năm 2013 đến năm 2015 có giá trị là 120 triệu đồng. Đây là giá trị các phần mềm máy tính dùng trong sản xuất kinh doanh của công ty. Đến năm 2016, công ty bổ sung vào tài sản cố định vô hình giá trị quyền sử dụng đất vì thế số liệu tăng lên đến 11,068 tỷ đồng.

**Bảng 2.12: Hiệu quả sử dụng vốn cố định của Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng****Đvt: triệu đồng**

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	14/13		15/14		16/15		17/16	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
1. Doanh thu thuần	225.373	251.288	370.623	258.611	267.109	25.915	11,50	119.335	47,49	-112.012	-30,22	8.498	3,29
2. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bình quân	70.025	71.503	84.406	97.063	99.436	1.477,5	2,11	12.903,5	18,05	12.656,5	14,99	2.373,5	2,45
3. Nguyên giá TSCĐ vô hình bình quân	100	120	120	5.594	11.068	20	20	0	0	5.474	4561,67	5.474	97,85
4. Nguyên giá TSCĐ bq	70.125	71.623	84.526	102.657	110.504	1.497,5	2,14	12.903,5	18,02	18.130,5	21,45	7.847	7,64
5. Số tiền khấu hao lũy kế bq	-26.684	-27.230	-20.281	-15.399	-24.210	-546	2,05	6.949,5	-25,52	4.881,5	-24,07	-8.810	57,21
6. Giá trị còn lại của TSCĐ bq	43.441	44.393	64.246	87.258	86.295	951,5	2,19	19.853	44,72	23.012	35,82	-963	-1,10
7. Vốn cố định bình quân	45.231	55.218	69.541	87252,5	86.,295	9.987	22,08	14.323	25,94	17.711,5	25,47	-957,5	-1,10

8. Lợi nhuận sau thuế	16.135	15.489	15.657	13081	12.089	-646	-4,00	168	1,08	-2.576	-16,45	-992	-7,58
9. Hệ số hao mòn TSCĐ (5/4)	-0,38	-0,38	-0,24	-0,15	-0,22		-0,09	0,14	-36,89	0,09	-37,48	-0,07	46,05
10. Tỷ suất đầu tư TSCĐ	0,62	0,62	0,76	0,85	0,78		0,05	0,14	22,63	0,09	11,83	-0,07	-8,13
11. Hiệu suất sử dụng VCD (1/7)	4,98	4,55	5,33	2,96	3,10	-0,43	-8,67	0,78	17,11	-2,37	-44,39	0,13	4,43
12. Sức sinh lợi của TSCĐ (8/4)	0,23	0,22	0,19	0,13	0,11	-0,01	-6,01	-0,03	-14,35	-0,06	-31,21	-0,02	-14,15
13. Hiệu suất sử dụng TSCĐ (1/4)	3,21	3,51	4,38	2,52	2,42	0,29	9,17	0,88	24,97	-1,87	-42,55	-0,10	-4,05

*(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)*

Hiệu suất sử dụng vốn cố định trong 2 năm gần đây giảm xuống. Cụ thể, năm 2013 số liệu là 4,98 cho thấy 1 đồng tài sản cố định bình quân tạo ra 4,98 đồng doanh thu thuần trong kỳ. Năm 2014, chỉ tiêu này giảm nhẹ xuống còn 4,55 phản ánh 1 đồng tài sản cố định bình quân bỏ ra giúp công ty có được 4,55 đồng doanh thu thuần. Năm 2015, chỉ tiêu hiệu suất này là cao nhất ở mức 5,33 thể hiện 1 đồng tài sản cố định bình quân thu được 5,33 đồng doanh thu thuần. Năm 2016, hiệu suất sử dụng vốn cố định giảm mạnh xuống 2,96 và năm 2017, chỉ tiêu này có sự cải thiện lên mức 3,1.

Như vậy khi chỉ tiêu hiệu suất sử dụng vốn cố định giảm xuống trong những năm gần đây điều đó cho thấy hiệu quả sử dụng đang giảm sút.

Đối với chỉ tiêu mức sinh lợi của tài sản cố định, chỉ tiêu này 3 năm đầu ở mức từ 0,19 đến 0,23 đạt hiệu quả khá tốt, tuy nhiên 2 năm gần đây có sự suy giảm rõ rệt. Năm 2016, một đồng tài sản cố định bỏ ra trong kỳ chỉ thu được 0,13 đồng lợi nhuận và năm 2017, con số này tiếp tục giảm, một đồng tài sản chỉ thu được 0,11 đồng lợi nhuận.

Hệ số hao mòn tài sản cố định và tỷ suất đầu tư tài sản cố định phản ánh mức độ đầu tư mới vào tài sản cố định. Năm 2013 và năm 2014 hệ số hao mòn là 38%, những năm tiếp theo hệ số hao mòn giảm xuống với số liệu lần lượt là 24% vào năm 2015, 15% vào năm 2016 và 22% vào năm 2017. Ngược lại với chỉ tiêu hệ số hao mòn chính là chỉ tiêu tỷ suất đầu tư. Trong 2 năm đầu, tỷ suất đầu tư ổn định là 62%, năm 2015 đến năm 2017 tỷ suất này đạt giá trị từ 78% đến 85% chứng tỏ việc công ty đã chú trọng đổi mới công nghệ, kỹ thuật, nâng cấp máy móc thiết bị trong sản xuất quạt điện và các linh kiện để lắp ráp quạt điện.

2.2.3.3. Phân tích hiệu quả sử dụng tổng vốn

**Bảng 2.13: Hiệu quả sử dụng tổng vốn của Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng**

**Đvt: triệu đồng**

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	14/13		15/14		16/15		17/16	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
1. Doanh thu thuần	225.373	251.288	370.623	258.611	267.109	25.915	11,50	119.335	47,49	-112.012	-30,22	8.498	3,29
2. Giá vốn hàng bán	183.409	211.073	336.817	222.659	232.420	27.664	15,08	125.744	59,57	-114.158	-33,89	9.761	4,38
3. Chi phí bán hàng	4.990	5.219	6.411	4.512	4.513	229	4,59	1.192	22,84	-1.899	-29,62	1	0,02
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.808	10.049	8.570	13.191	12.853	241	2,46	-1.479	-14,72	4.621	53,9,2	-338	-2,56
5. Lợi nhuận sau thuế	16.135	15.489	15.657	13.081	12.089	-646	-4,00	168	1,08	-2.576	-16,45	-992	-7,58
6. Tổng vốn bình quân	154.506	308.849	336.718	390.720	408.942	154.343	99,89	27.869	9,02	54.002	16,04	18.222	4,66
7. Vốn chủ sở hữu bình quân	110.628	114.816	131.684	143.951	148.806	4.188	3,79	16.868	14,69	12.267	9,32	4.854	3,37
8. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn	0,10	0,05	0,05	0,03	0,03	-0,054	-51,98	-0,00365	-7,28	-0,01302	-28,00	-0,00392	-11,70

9. Tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu	0,15	0,13	0,12	0,09	0,08	-0,011	-7,51	-0,016	-11,86	-0,028	-23,57	-0,010	-10,60
10. Tỷ suất lợi nhuận doanh thu	0,07	0,06	0,04	0,05	0,05	-0,010	-13,90	-0,01939	-31,46	0,008	19,73	-0,005	-10,52
11. Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu	0,81	0,84	0,91	0,86	0,87	0,026	3,21	0,068822	8,19	-0,048	-5,26	0,009	1,06
12. Tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu	0,022	0,021	0,017	0,017	0,017	-0,001	-6,20	-0,00347	-16,71		0,86	-0,001	-3,16
13. Tỷ suất chi phí quản lý trên doanh thu	0,044	0,040	0,023	0,051	0,048	-0,004	-8,11	-0,01687	-42,18	0,028	120,59	-0,003	-5,66
14. Hiệu suất sử dụng vốn	1,46	0,81	1,10	0,66	0,65	-0,645	-44,22	0,287065	35,28	-0,439	-39,87	-0,009	-1,32

(Nguồn: Báo cáo tài chính công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng)

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn bình quân cho thấy xu hướng giảm dần trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017.

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn năm 2013 ở mức 10%, năm 2014 giảm xuống còn 5% và số liệu giữ nguyên vào năm 2015. Năm 2016 và năm 2017 số liệu tiếp tục giảm chỉ còn 3%.

Chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu có sự giảm sút cùng với giá trị lợi nhuận trên tổng vốn. Năm 2013, tỷ suất là 15%, năm 2014 là 13%, năm 2015 giảm còn 12%, năm 2016 tiếp tục giảm xuống 9% và năm 2017, tỷ suất này ở mức thấp nhất là 8%.

Thông qua bảng phân tích số liệu thì hiệu quả sử dụng vốn của công ty là thấp và số liệu ngày càng giảm.

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần có sự biến động. Năm 2013, chỉ tiêu này có giá trị là 7%, năm 2014 là 6%, số liệu giảm thấp nhất vào năm 2015 là 4% vào năm 2014, năm 2015 và năm 2016 tỷ suất cải thiện một chút lên mức 5%.

Chỉ tiêu giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần có sự biến động. Năm 2013 là 81%, năm 2014 là 84%, năm 2015 tăng lên đến 91%, năm 2016 chỉ tiêu này giảm xuống 86%, năm 2017 tăng nhẹ lên 87% . Chỉ tiêu này cho thấy để có được 1 đồng doanh thu thuần thì năm 2013 doanh nghiệp phải bỏ ra 0,81 đồng giá vốn, năm 2014 là 0,84 đồng giá vốn, năm 2015 là 0,91 đồng giá vốn, năm 2016 là 0,86 đồng giá vốn và năm 2017 là 0,87 đồng. Như vậy, hiệu quả trong việc quản lý các khoản chi phí trong giá vốn chưa được đảm bảo, điều này một phần là do ảnh hưởng của tỷ giá khi công ty tiến hành nhập khẩu nguyên liệu và quạt điện Mitsubishi, tuy nhiên công ty cũng cần xem xét việc tiết kiệm thêm chi phí để giảm tỷ suất giá vốn trên doanh thu.

Tỷ suất chi phí bán hàng trên doanh thu đã giảm từ mức 2,1% xuống còn 1,7% và ổn định trong 3 năm gần đây cho thấy để có 1 đồng doanh thu công ty chi ra 0,017 đồng chi phí dành cho hoạt động bán hàng giảm được 0,004 đồng so

với những năm trước đó.

Tỷ suất chi phí quản lý của công ty gia tăng nhanh trong 2 năm gần đây, cụ thể năm 2013, chi tiêu này ở mức 4,4%, năm 2014 là 4%, năm 2015 giảm xuống 2,3%, năm 2016 và năm 2017, giá trị tăng lên lần lượt là 5,1% và 4,8% cho thấy việc kiểm soát chi phí quản lý của doanh nghiệp giảm hiệu quả so với những năm trước đó.

Hiệu suất sử dụng vốn cũng có sự giảm sút đáng kể, năm 2013 chỉ tiêu này là 1,46, năm 2014 là 0,81, năm 2015 là 1,1, nhưng 2 năm 2016 và 2017 giá trị thấp hơn nhiều chỉ là 0,66 và 0,65 chứng tỏ một đồng vốn tạo ra ngày càng ít thu nhập cho công ty.

### **2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng vốn của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng.**

- Nhân tố môi trường kinh tế

Môi trường kinh tế với các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng nói riêng. Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn đối mặt với nhiều rủi ro bất lợi, do khoảng đệm chính sách còn hạn chế nên các cú sốc bên ngoài và trong nước có thể ảnh hưởng lên sự ổn định kinh tế vĩ mô. Kinh tế tăng trưởng chậm khiến cho nhu cầu đối với các sản phẩm quạt điện và linh kiện quạt của Công ty bị giảm sút trong ngắn hạn. Đồng thời cũng ảnh hưởng đến việc mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực khác như kinh doanh sắt thép.

Thêm vào đó, nguồn nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm của công ty điện cơ Hải Phòng một phần được nhập khẩu từ nước ngoài. Do đó, giá cả nguyên vật liệu có thể bị tác động bởi những biến động về tỷ giá và gây tác động tăng chi phí sản xuất của Công ty. Đây là rủi ro khách quan và công ty phải tiến



hành điều chỉnh giá bán.

- Chính sách pháp lý

Công ty hoạt động trong ngành sản xuất quạt điện và linh kiện quạt nên Công ty cũng chịu ảnh hưởng từ các chính sách Nhà nước như: định hướng phát triển ngành, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế....

- Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của ngành sản xuất

Do đặc thù của ngành sản xuất quạt điện tiêu thụ tập trung theo mùa, chủ yếu là vào mùa hè nên việc thu hồi vốn được xác định theo chu kỳ kinh doanh. Công ty cần chủ động lượng vốn đáp ứng năng lực sản xuất trong cả năm.

- Cơ cấu vốn

Tỷ lệ cơ cấu vốn của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng đảm bảo sự hợp lý khi vốn chủ sở hữu chiếm phần lớn trong tổng nguồn vốn đảm bảo mức độ tự chủ của công ty.

Cơ cấu giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn cũng được cân đối khi tài sản dài hạn chiếm từ trên 30% đến trên 40%, còn lại tài sản ngắn hạn chiếm từ trên 50% đến trên 60%.

- Chính sách tín dụng bán hàng

Công ty thực hiện chính sách tín dụng bán hàng với các Nhà phân phối và những khách hàng tiềm năng. Tín dụng bán hàng luôn tạo rủi ro cho các doanh nghiệp do ảnh hưởng từ việc mất khả năng trả nợ của các đối tác, điều này ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

- Hoạt động marketing với sản phẩm

Hiện nay, công ty chưa xây dựng bộ phận chuyên môn thực hiện công tác Marketing cho sản phẩm do đó chưa đẩy mạnh được việc tiêu thụ sản phẩm dẫn đến lượng hàng tồn kho lớn, doanh thu giảm sút và giảm hiệu quả trong việc sử dụng đồng vốn.

- Nhân tố con người

+ Nhân viên phòng kinh doanh của công ty chưa phát huy hết năng lực,

chưa đảm bảo các chỉ tiêu sản phẩm được giao.

+ Một số cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc.

+ Trình độ tay nghề của công nhân sản xuất chưa được nâng lên.

## **2.3. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**

### **2.3.1. Những kết quả đạt được**

- Trong sản xuất kinh doanh

Hiện nay, quy mô của công ty ở mức trung bình ngành với 2 nhà máy sản xuất đều đặt tại Hải Phòng. Nhà máy tại 734 Nguyễn Văn Linh có công suất 190.000 chiếc/năm và 1,5 – 1,8 triệu bộ lồng quạt/năm. Nhà máy sản xuất tại khu công nghiệp Quán Trữ, Kiến An, Hải Phòng mới được xây dựng và đi vào sản xuất từ năm 2015 chủ yếu để sản xuất các loại quạt công nghiệp, có công suất đạt 50.000 chiếc/năm và công suất sản xuất lồng quạt công nghiệp đạt 120.000 bộ/năm.

Thị trường mục tiêu của công ty là phân khúc khách hàng bình dân, với trên 50 sản phẩm khác nhau có các chủng loại mẫu mã rất đa dạng để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. So với doanh nghiệp đứng đầu ngành là Vinawind thì công suất sản xuất của công ty không cao, tuy nhiên tại thị trường tiêu thụ chính là Hải Phòng thì điện cơ Hải Phòng là doanh nghiệp sản xuất quạt điện có quy mô lớn nhất hiện nay với 60% thị phần quạt điện tại Hải Phòng. Các thị trường tiêu thụ chính là Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Thái Bình và Hà Nội, trong đó Hải Phòng vẫn là thị trường tiêu thụ chủ yếu, chiếm khoảng 40% sản lượng tiêu thụ của Công ty.

Đối với phân khúc thị trường cao cấp, công ty không trực tiếp sản xuất sản phẩm mà thực hiện thông qua việc phân phối quạt điện nhập khẩu từ Nhật Bản mang nhãn hiệu Mitsubishi. Giá bán bình quân của dòng sản phẩm này khoảng 1,5 - 2,5 triệu đồng/chiếc. Việc là nhà phân phối độc quyền dòng sản phẩm này

tại thị trường miền Bắc tạo lợi thế tiêu thụ lớn cho điện cơ Hải Phòng vì Mitsubishi là một trong 3 thương hiệu quạt điện nhập ngoại được ưa chuộng nhất hiện nay, bên cạnh Sharp và Panasonic.

Công ty duy trì tốt mối quan hệ với các khách hàng lớn trong và ngoài nước, tăng cường giao lưu mua bán hàng hóa 2 chiều với công ty Điện cơ Thống Nhất Hà Nội, công ty Quang điện – Điện tử Bộ quốc phòng, công ty Hà Nội Chinghai Đài Loan... tạo sự gắn kết giữa hai bên trên cơ sở hài hòa lợi ích và cùng có lợi.

Công ty tiếp tục đầu tư về con người, tuyển dụng và đào tạo mới đội ngũ nhân viên marketing, nhân viên bán hàng chuyên nghiệp, có sự sàng lọc, đổi mới trong đội ngũ để nâng cao năng lực tiêu thụ sản phẩm của công ty ra thị trường, đặc biệt là các thị trường mới mở.

Trong cơ cấu doanh thu của công ty, mảng kinh doanh thương mại và sản xuất quạt điện đang có tỷ trọng tương đương nhau. Điều này có được nhờ thương hiệu quạt điện Phong Lan, Gale đã được xây dựng khá tốt, giúp công ty duy trì được thị phần tiêu thụ tốt tại Hải Phòng, đồng thời hoạt động cung cấp linh kiện của công ty có ít đối thủ cạnh tranh.

- Trong công tác quản lý và sử dụng vốn

Công ty vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận khá đều đặn. Trung bình trong vòng 5 năm trở lại đây, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của công ty tăng trưởng bình quân trên 10%/năm.

Tỷ lệ nợ vay an toàn: Toàn bộ nợ vay của Công ty hiện tại chủ yếu là nợ ngắn hạn để tiến hành mua vật tư, bán thành phẩm phục vụ sản xuất kinh doanh, vay dài hạn để tiến hành mua thanh lý nhà số 20 Đinh Tiên Hoàng-Hồng Bàng-Hải Phòng để mở rộng văn phòng kinh doanh. Tỷ lệ nợ vay ngày được cải thiện sau khi Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ năm 2012, theo đó từ mức nợ gấp đôi vốn chủ sở hữu thì hiện tại tỷ lệ nợ vay đang được kiểm soát ở mức khá an toàn, với tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản ở mức 30%.

Biên lợi nhuận duy trì ổn định: Trong cơ cấu sản xuất của Công ty, chi phí nguyên liệu chiếm khoảng 70%, chủ yếu là thép, hạt nhựa, sơn bột tinh điện, dây đồng... Nguyên liệu chủ yếu được đặt hàng từ các nhà sản xuất trong nước, ngoại trừ hạt nhựa được nhập trực tiếp từ Đài Loan, Hàn Quốc... Giá nguyên liệu cũng có sự biến động mạnh qua các năm tuy nhiên biên lợi nhuận của Công ty vẫn được duy trì khá ổn định.

- Công ty tổ chức quản lý và sử dụng vốn cố định, vốn lưu động một cách hợp lý. Tỷ lệ giữa tài sản cố định và tài sản lưu động được đảm bảo ở mức độ phù hợp.

- Các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán của công ty ở mức khá tốt với hệ số khả năng thanh toán tổng quát, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn đều có giá trị lớn hơn 1, hệ số khả năng thanh toán nhanh luôn lớn hơn 0,3. Việc đảm bảo trong thanh toán giúp công ty xây dựng được tín nhiệm trong quan hệ tín dụng các nhà cung cấp và với các ngân hàng.

- Cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp đảm bảo được tính cân đối theo đúng nguyên tắc tài chính. Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cao hơn và là nguồn vốn để đầu tư cho các tài sản dài hạn.

- Công ty chấp hành tốt các chính sách của Nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, từng bước nâng cao thu nhập của cán bộ công nhân viên.

- Các khoản phải thu chiếm tỷ trọng ở mức hợp lý trong tổng vốn lưu động của công ty cho thấy khả năng quản lý tốt, kiểm soát chặt chẽ trong công tác thu hồi nợ.

- Hình thức huy động vốn của công ty đa dạng, gồm có vốn chủ sở hữu và vốn vay ngân hàng, huy động từ nguồn phát hành cổ phiếu.

- Về quản lý vốn cố định

Công ty đã lập kế hoạch khấu hao tài sản cố định cho từng năm điều đó giúp công ty xác định được nguồn vốn khấu hao. Đồng thời, công ty cũng quy định rõ trách nhiệm đối với từng phòng ban trong việc quản lý và sử dụng tài sản, đảm bảo cho tài sản được sử dụng theo đúng mục đích.

Công ty đã đầu tư mua sắm mới các máy móc, thiết bị để đáp ứng được năng lực sản xuất.

- Về vốn lưu động

+ Khả năng thanh toán luôn được duy trì ở một mức độ hợp lý đảm bảo công ty không gặp phải rủi ro mất khả năng thanh toán.

+ Tiền và các khoản tương đương với tiền chiếm tỷ trọng thấp trong tài sản, thể hiện công tác quản lý vốn bằng tiền của Công ty là hiệu quả tránh việc dự trữ quá nhiều tiền mặt, không tạo ra lợi nhuận cho công ty.

### **2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân**

- Về vốn cố định

+ Hiện nay, công ty đang áp dụng cách tính khấu hao bình quân theo thời gian để tính khấu hao cho tài sản cố định trong năm. Điều này chưa phản ánh chính xác mức khấu hao vì ở những năm đầu thì hiệu suất làm việc của thiết bị, máy móc cao hơn nhiều so với những năm sau đó.

- Hiệu suất sử dụng tài sản cố định có chiều hướng giảm xuống trong 2 năm gần đây với giá trị lần lượt là 2,96 và 3,1 cho thấy khả năng tạo ra thu nhập thấp hơn.

- Về vốn lưu động

+ Khoản mục HTK chiếm tỷ trọng cao: Chỉ tiêu hàng tồn kho luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng vốn lưu động từ 80% đến 90% ảnh hưởng trực tiếp làm cho nguồn vốn luân chuyển chậm. Do đó, dẫn đến việc giảm hiệu quả vốn kinh doanh nói chung và vốn lưu động nói riêng. Việc quản lý hàng tồn kho cũng tồn tại

những bất hợp lý dẫn đến kỳ luân chuyển vốn lưu động dài, làm cho vốn lưu động bị ứ đọng và mất thêm nhiều chi phí cho việc bảo quản, lưu trữ hàng tồn kho.

+ Việc quản lý các loại chi phí như giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp chưa hiệu quả, đặc biệt là các chi phí phát sinh khi dự trữ hàng tồn kho quá mức cần thiết.

+ Công tác quản lý, sử dụng tài sản lưu động chưa hiệu quả dẫn đến vòng quay vốn thấp, trong 2 năm 2016 và năm 2017, hiệu quả sử dụng vốn lưu động cũng giảm sút so với các năm trước đó.

- Các nguyên nhân:

+ Công tác dự báo thị trường của công ty còn nhiều hạn chế, việc dự trữ hàng tồn kho quá nhiều không những không đem lại hiệu quả mà còn kéo theo nhiều chi phí không cần thiết như chi phí bảo quản, lưu kho làm vốn lưu động bị ứ đọng dẫn đến làm giảm hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp.

+ Mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt, công tác tiêu thụ chưa được đẩy mạnh dẫn đến doanh thu về sản xuất quạt điện bao gồm cả quạt điện dân dụng và quạt điện công nghiệp giảm sút.

+ Công tác quản lý, tiết kiệm chi phí vẫn chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến giảm hiệu quả sinh lời của tài sản.

+ Việc đầu tư tài sản còn dàn trải, đầu tư thêm nhà máy số 2 tại Kiến An chưa đem lại hiệu quả, chưa đầu tư vào các trang thiết bị hiện đại.

+ Một số cán bộ quản lý có năng lực hạn chế, trình độ chuyên môn chưa cao, trình độ tay nghề của công nhân chưa được nâng lên.

## **CHƯƠNG 3**

### **MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**

#### **3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY**

##### **3.1.1. Định hướng phát triển của Công ty**

Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng đang đẩy mạnh phát triển thị phần, đa dạng hoá chủng loại, mẫu mã sản phẩm đồng thời từng bước hiện đại hoá hệ thống dây chuyền sản xuất để ngày càng phát triển vững mạnh hơn nữa và hướng đến mục tiêu trở thành một trong những Công ty hàng đầu ở Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất quạt điện và cung cấp linh kiện quạt điện.

Công ty thực hiện các hoạt động đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động, phát triển các phong trào thi đua sáng tạo, có chính sách thu hút lao động chất lượng cao đặc biệt là lao động quản lý, đào tạo và nâng cao nghiệp vụ chuyên môn nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng tốt hơn.

Chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên công ty, xây dựng chính sách khen thưởng nhằm phát huy, kích thích tính sáng tạo của cán bộ công nhân viên, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, tin cậy, trẻ hoá đội ngũ quản lý, xây dựng văn hoá doanh nghiệp.

Áp dụng một cách có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, tiếp tục triển khai và vận dụng mô hình 5S về quản lý công ty dưới sự tư vấn của Tổ chức Jika của Nhật Bản.

Kiểm soát tốt chi phí để xây dựng cơ cấu giá thành hợp lý, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, tạo nguồn vốn để đầu tư có hiệu quả, mở rộng thị trường. Có kế hoạch sử dụng vốn, vòng quay vốn có hiệu quả.

Kiểm tra giám sát hoạt động tài chính, kế toán đảm bảo việc tuân thủ chính sách của Công ty, thiết lập mối quan hệ tốt với các Ngân hàng để có hình thức huy động vốn phù hợp với cơ cấu nguồn vốn của Công ty nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng của Công ty.

Từng bước xây dựng hệ thống dữ liệu khách hàng, phân loại khách hàng, có chính sách giữ vững và phát triển khách hàng lớn. Triển khai tốt hơn nữa công tác tiếp thị bán hàng, công tác Marketing, quảng bá hình ảnh của công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng và tới người tiêu dùng.

Đối với người tiêu dùng: Cung cấp những sản phẩm quạt đạt chất lượng cao nhằm khai thác tốt và đẩy mạnh ý thức người Việt dùng hàng Việt trong người tiêu dùng Việt Nam.

Đối với khách hàng và đối tác: Luôn đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển, luôn coi khách hàng và đối tác như một người bạn đồng hành, đảm bảo quyền lợi tối đa cho khách hàng và đối tác bằng những chính sách hấp dẫn và lâu dài.

Đối với đội ngũ nhân viên: Lấy con người làm yếu tố then chốt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho lao động địa phương, tiếp thu những công nghệ tiên tiến nước ngoài nhằm mục đích phục vụ nhu cầu trong nước, thay thế các sản phẩm nhập ngoại.

### **3.1.2. Mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2018**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng năm 2018 đã được hội đồng quản trị thông qua như sau:

- Khối lượng sản phẩm sản xuất, nhập khẩu:
- + Quạt điện dân dụng Phong Lan: 150.000 cái
- + Quạt công nghiệp Gale: 50.000 cái
- + Quạt nhập khẩu Mitsubishi: 78.000 cái
- + Lòng quạt các loại: 100.000 bộ
- + Vật tư, linh kiện gia công theo hợp đồng



- Doanh thu năm 2018 là 270 tỷ đồng, trong đó có 55 tỷ đồng là doanh thu từ vật tư, linh kiện gia công cho các đối tác trong nước.
- Các khoản nộp vào ngân sách Nhà nước: 10 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 13,2 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân của người lao động: 5,85 triệu đồng

### **3.1.3. Định hướng phát triển Công ty giai đoạn 2018 - 2023:**

- Mở rộng thị trường trong nước, tập trung vào phát triển thị trường tại các tỉnh lân cận.
- Phát triển thị trường sản xuất, gia công vật tư, linh kiện, tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất quạt điện nội địa.
- Mục tiêu tăng trưởng của công ty về doanh thu và lợi nhuận trong các năm từ 2018- 2023 phấn đấu mức tăng trưởng bình quân hằng năm từ 10%-15%.
- Từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động, đảm bảo thu nhập tăng bình quân hàng năm từ 8%-10% để nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên của công ty.
- Quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân viên.
- Đảm bảo huy động kịp thời vốn lưu động đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty. Xác định chính xác nhu cầu vốn trong từng thời kỳ, hình thức huy động phù hợp. Tổ chức quản lý và sử dụng vốn lưu động tiết kiệm và hiệu quả kết hợp với quản lý kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho, khả năng thanh toán.
- Giám sát chặt chẽ việc sử dụng tài sản cố định của công ty, đầu tư các máy móc, thiết bị hiện đại để nâng cao năng lực sản xuất.
- Giám sát thường xuyên và kiểm tra sự vận động, luân chuyển của vốn kinh doanh.

### **3.2. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**

### **3.2.1. Hoàn thiện công tác lập kế hoạch vốn kinh doanh**

#### **Cơ sở biện pháp:**

Công tác lập kế hoạch huy động và sử dụng vốn là một giải pháp tài chính quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nói riêng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung. Hiện nay, công ty đã tiến hành lập kế hoạch cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm nhưng chưa quan tâm đến việc xây dựng các kế hoạch trong việc huy động và sử dụng vốn.

#### **Nội dung biện pháp:**

Khi lập kế hoạch về quản lý và sử dụng vốn cần phải chú trọng một số vấn đề sau:

*Thứ nhất*, cần xác định được nhu cầu về lượng vốn tối thiểu đáp ứng cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đảm bảo cho việc tiến hành thường xuyên không bị gián đoạn, trong đó phải lưu ý những thời điểm tỷ giá tăng cao ảnh hưởng đến giá nguyên vật liệu và quạt nhập khẩu từ Nhật Bản. Trên cơ sở đó xây dựng cách thức huy động vốn phù hợp để cung ứng vốn đầy đủ và kịp thời, chi phí sử dụng tối ưu. Tuy nhiên, cũng cần tránh tình trạng dư thừa gây lãng phí lượng vốn không cần thiết.

*Thứ hai*, Dựa trên nhu cầu về vốn, công ty lập kế hoạch trong đó xác định số vốn hiện có, lượng vốn còn thiếu để xác định các nguồn tài trợ thích hợp với chi phí thấp nhất để công ty có một cơ cấu vốn tối ưu. Các biện pháp để tăng nguồn tài trợ vốn bao gồm:

- Khai thác triệt để mọi nguồn vốn của doanh nghiệp, phát huy tối đa nguồn vốn trong doanh nghiệp vì đây là nguồn vốn có chi phí sử dụng vốn thấp nhất do đó mà hiệu quả mang lại là cao nhất. Nguồn vốn quan trọng ở đây là vốn tích lũy từ quỹ khấu hao TSCĐ và lợi nhuận không chia để tái đầu tư cho doanh nghiệp.

- Tăng cường huy động vốn ngắn hạn tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, tận dụng tối đa các khoản nợ chiếm dụng được khi chưa đến hạn thanh toán như

phải trả công nhân viên, phải trả người bán, áp dụng tín dụng thương mại...Nguồn vốn này có chi phí huy động vốn thấp nên sẽ giúp công ty nâng cao được hiệu quả sử dụng vốn. Song cần lưu ý, nguồn vốn này mang tính chất tạm thời và phải chú ý điều hoà giữa vốn chiếm dụng được với vốn bị chiếm dụng sao cho công ty luôn đáp ứng được nhu cầu về nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ngoài nguồn vốn ngắn hạn công ty cần phải quan tâm đến việc nguồn tài trợ dài hạn, vì đây là nguồn vốn đảm bảo cho sự phát triển vững chắc của công ty. Khi cần thiết công ty có thể phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn.

*Thứ ba*, việc phân phối và sử dụng cũng cần được doanh nghiệp quan tâm để mang lại hiệu quả cao nhất. Dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh và dự báo về những biến động trên thị trường để quyết định phân bổ vốn như việc cần dự trữ bao nhiêu hàng tồn kho, lượng tiền mặt tồn quỹ là bao nhiêu.... Công ty phải xây dựng một kế hoạch cụ thể, chi tiết và sát thực tế.

### **3.2.2. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn lưu động**

**Cơ sở biện pháp:** Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng rất cao trong tài sản lưu động. Tại công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng hàng tồn kho chiếm từ 80%-90% dẫn đến việc tồn đọng lượng vốn lớn. Do đó, để gia tăng hiệu quả quản lý và sử dụng vốn lưu động của công ty cần giảm bớt lượng hàng tồn kho.

#### **Nội dung biện pháp:**

Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, duy trì lượng hàng tồn kho ở mức hợp lý là rất quan trọng. Muốn vậy, công ty cần đảm bảo tốt các công việc sau:

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được xây dựng theo từng tháng, quý, năm để xác định lượng vật tư cần nhập. Kiểm soát kỹ vật tư khi nhập về để tránh gây thiệt hại cho công ty.

- Tiến hành kiểm kê, đối chiếu tình hình nhập xuất tồn của các loại hàng tồn kho theo định kỳ để tính toán mức dự trữ cần thiết cho kỳ tiếp theo.

- Theo dõi các biến động thị trường tập trung sản xuất các sản phẩm có nhu cầu cao, theo dõi biến động tỷ giá để có kế hoạch nhập khẩu vật tư, quạt điện cho phù hợp.

- Để giảm lượng hàng tồn kho trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hiện nay, công ty cần thực hiện việc đẩy mạnh tiêu thụ thông qua việc thành lập bộ phận Marketing để thực hiện các hoạt động truyền thông quảng bá về sản phẩm và công tác chăm sóc khách hàng:

+ Bộ phận Marketing được xây dựng gồm từ 3-5 người, trong đó có 1 người giữ chức vụ là trưởng phòng Marketing. Bộ phận này phải có sự phối hợp chặt chẽ với các phòng ban của công ty.

+ Tiêu chuẩn của nhân sự bộ phận Marketing: tốt nghiệp chuyên ngành Marketing, có kinh nghiệm làm việc và hiểu biết về công ty, các loại quạt điện công ty sản xuất và các dịch vụ khách hàng.

+ Nhiệm vụ của bộ phận Marketing là nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin khách hàng gồm các thông tin về khách hàng hiện có, đánh giá về sản phẩm của khách hàng và xây dựng các chương trình chăm sóc khách hàng, phát triển thêm các thị trường mới tiềm năng ngoài thị trường Hải Phòng. Bên cạnh đó, bộ phận này cần thực hiện việc nghiên cứu về đối thủ cạnh tranh như công ty điện cơ Thống Nhất - công ty có thị phần lớn nhất trên thị trường quạt điện, công ty quang điện – điện tử Hà Nội... để học hỏi kinh nghiệm và đưa ra những chính sách ưu việt trong thu hút khách hàng như khuyến mại khi khách hàng mua 1 sản phẩm quạt điện bất kỳ sẽ được tặng voucher giảm giá khi mua các sản phẩm tiếp theo...

+ Bộ phận Marketing tiến hành các hoạt động tuyên truyền và quảng bá về sản phẩm thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, báo điện tử và trực tiếp qua việc điện thoại liên lạc với khách hàng.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cũng là biện pháp để giảm thiểu lượng hàng tồn kho của công ty. Khi sản phẩm có chất lượng tốt hơn thì số lượng tiêu thụ sẽ tăng lên do khách hàng gia tăng niềm tin vào sản phẩm.

+ Hiện nay, quạt dân dụng "Phong Lan" của công ty có 28 sản phẩm, quạt công nghiệp "Gale" có 41 sản phẩm ...Việc đa dạng hoá chủng loại, mẫu mã sản phẩm là cần thiết để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

+ Bộ phận kỹ thuật nghiên cứu tập trung vào các sản phẩm quạt tiết kiệm điện để ngày càng giảm mức điện năng tiêu thụ và tìm ra các loại vật liệu thay thế giảm bớt việc nhập khẩu các vật liệu đầu vào từ nước ngoài.

+ Kiểm tra chặt chẽ đối với sản phẩm từ khâu nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm để đảm bảo sản phẩm của công ty có chất lượng tốt nhất.

+ Thực hiện tốt các dịch vụ sau bán hàng như bảo hành sản phẩm, kiểm tra miễn phí sản phẩm, tư vấn cho khách hàng các vấn đề thường gặp trong quá trình vận hành và hướng giải quyết.

### **3.2.3. Nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn cố định**

**Cơ sở biện pháp:** Hiệu quả sử dụng tài sản cố định trong những năm gần đây có sự giảm sút

Hiện nay, công ty đang áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng song phương pháp này có nhược điểm không phản ánh đúng mức độ hao mòn thực tế của tài sản cố định dẫn đến khả năng thu hồi vốn chậm, chịu ảnh hưởng của hao mòn vô hình.

**Nội dung biện pháp:** Công ty nên tiến hành việc áp dụng phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần với những tài sản cố định có giá trị lớn, hao mòn vô

hình cao. Khấu hao là loại chi phí đặc biệt không xuất quỹ nhưng tác động đến mức thuế phải nộp của doanh nghiệp. Việc tăng chi phí khấu hao sẽ làm tăng chi phí do đó tác động giảm lợi nhuận trước thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Do vậy, công ty cần xác định đúng mức khấu hao trong năm, để có nguồn vốn thực hiện tái đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất.

- Một số máy móc thiết bị của công ty hiện nay chưa sử dụng có thể tiến hành cho thuê bao gồm cả cho thuê tài chính và cho thuê hoạt động. Tiền cho thuê máy móc thiết bị giúp bù đắp chi phí khấu hao, chi phí bảo quản, sửa chữa tài sản cố định và mang lại thu nhập giúp tăng hiệu quả sử dụng vốn cố định.

- Tiến hành việc phân cấp tài sản cố định cho các bộ phận trong nội bộ của công ty, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng bộ phận, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản cố định. Đồng thời, công ty cần có hình thức xử phạt nghiêm minh đối với những người gây thiệt hại về tài sản cố định.

- Để sử dụng các trang thiết bị tài sản cố định đạt hiệu quả cao nhất công ty cần có kế hoạch bảo dưỡng như quản lý chặt chẽ và thường xuyên kiểm tra trang thiết bị tránh tình trạng mất mát, hư hỏng.

- Thường xuyên đánh giá lại tài sản cố định để nắm bắt tài sản cố định trên phạm vi toàn công ty.

### **3.2.4. Các biện pháp khác**

#### ***3.2.4.1 Tổ chức tốt nguồn nhân lực***

##### **Cơ sở biện pháp:**

Nhân lực là nhân tố quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, vì thế nâng cao trình độ của đội ngũ quản lý sẽ góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh.

##### **Nội dung biện pháp:**

+ Cử cán bộ tham dự các khóa đào tạo quản lý, đi thực tế tại các doanh nghiệp khác để học tập kinh nghiệm.

+ Nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân bằng cách đưa họ đến thực tập tại các doanh nghiệp sản xuất quạt điện ở Nhật Bản hoặc thuê chuyên gia hướng dẫn.

+ Có chế độ thu hút và khuyến khích nhân tài, lựa chọn những người có đủ tiêu chuẩn để bố trí vào các chức danh phù hợp.

+ Bố trí lao động một cách hợp lý, phù hợp với chuyên môn, xem xét các công việc mà lao động có thể đảm nhận, tránh lãng phí lao động.

+ Khuyến khích bằng biện pháp vật chất và tinh thần đối với các cán bộ, nhân viên của công ty, kịp thời với những cá nhân, phòng ban có sáng kiến cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

+ Cán bộ phụ trách tài chính nên tham gia các khóa học về quản lý tài chính, cập nhật kiến thức về hệ thống pháp luật, chính sách kế toán.

### **3.2.4. 3 Tiết kiệm chi phí**

**Cơ sở biện pháp:** Tỷ trọng giá vốn ngày càng cao trong doanh thu, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017 đòi hỏi công ty phải quản lý các chi phí này một cách chặt chẽ nhằm đảm bảo hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh của công ty.

#### **Nội dung biện pháp:**

- Công ty cần xây dựng dự toán chi phí sản xuất, kinh doanh hàng năm.
- Tiến hành loại bỏ các chi phí không cần thiết nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn.
- Giảm chi phí quản lý thông qua việc tinh giản bộ máy với những cán bộ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu chuyên môn, năng lực công tác, giảm chi phí tiếp khách, chi phí các cuộc họp.
- Tránh các sản phẩm hỏng, lỗi trong quá trình sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

## KẾT LUẬN

Để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cần thiết phải nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Nếu không có vốn doanh nghiệp sẽ không thể tiến hành sản xuất kinh doanh được. Do đó, thiếu vốn sẽ gây ra tình trạng khó khăn, cản trở khả năng hoạt động liên tục của quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Doanh nghiệp muốn tăng trưởng và phát triển thì việc quản lý và sử dụng vốn phải hiệu quả và phải có một cơ cấu vốn hợp lý, phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp. Đây là những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh.

Việc quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là vấn đề vô cùng cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là một đề tài rất có ý nghĩa trong thực tiễn. Dựa trên cơ sở lý luận và vận dụng vào phân tích tình hình thực tế ở công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng, đề tài góp phần tìm ra một số giải pháp về quản lý và sử dụng vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn từ đó tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Qua nghiên cứu lý luận và phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng, luận văn đã hoàn thành được những nội dung cơ bản sau:

- Hệ thống hoá những lý luận về vốn và hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường.
- Phân tích và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của Công ty cổ phần điện cơ



Hải Phòng. Trên cơ sở đó nhận định các kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân để từ đó đề xuất một số biện pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại công ty.

- Đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng gồm:

- + Hoàn thiện công tác lập kế hoạch vốn kinh doanh
- + Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn lưu động
- + Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn cố định
- + Các biện pháp khác

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Lê Anh (2016), *Phân tích hiệu quả sử dụng vốn tại công ty cổ phần sông Đà 2*, Luận văn thạc sỹ trường Đại học kinh tế quốc dân.
2. Dương Quỳnh Anh (2014), *Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại công ty xây dựng cầu Hàm*, Luận văn thạc sỹ trường Đại học Thương mại.
3. Bộ tài chính (2013), *Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013*.
4. Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ (2008), *Giáo trình phân tích tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.
5. Phạm Minh Chí (2013), *Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tại Công ty cổ phần sông Đà 9*, Luận văn thạc sỹ trường Đại học kinh tế quốc dân.
6. Nguyễn Văn Công (2009), *Giáo trình phân tích kinh doanh*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
7. Công ty cổ phần điện cơ Hải Phòng, *Báo cáo tài chính 5 năm (2013,2014,2015,2016, 2017)*.
8. Phan Đức Dũng (2015), *Phân tích báo cáo tài chính*, NXB Lao động – xã hội.
9. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền (2010), *Giáo trình quản trị kinh doanh*, NXB Lao động – xã hội.
10. Đàm Văn Huệ (2006), *Hiệu quả sử dụng vốn trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ*, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
11. Lưu Thị Hương (2012), *Giáo trình tài chính doanh nghiệp*, NXB Giáo dục.

12. Nguyễn Thị Hương (2016), *Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại tổng công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ trường Đại học Thương mại.
13. Nguyễn Đức Kiệm, Bạch Đức Hiếu (2008), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, Học viện tài chính, NXB Tài chính.
14. Nguyễn Minh Kiều (2008), *Tài chính doanh nghiệp*, NXB Thống kê.
15. Bùi Văn Nam (2011), *Hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh tại Công ty xi măng Cẩm Phả Quảng Ninh*, Luận văn thạc sỹ Học viện tài chính.
16. Nguyễn Năng Phúc (2008), *Giáo trình phân tích báo cáo tài chính*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
17. Nguyễn Ngọc Quang (2016), *Phân tích báo cáo tài chính*, NXB Tài chính.
18. Đoàn Hương Quỳnh (2015), *Hệ thống chỉ tiêu tài chính để quản trị vốn kinh doanh của công ty cổ phần*, NXB Tài chính.
19. Nguyễn Thu Thủy (2015), *Giáo trình quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động.
20. <http://hapemco.vn/gioi-thieu/he-thong-quan-tri>
21. <http://hapemco.vn/gioi-thieu/nganh-nghe-kinh-doanh>
22. <http://hapemco.vn/gioi-thieu/lich-su-hinh-thanh-phat-trien>